



# Hướng Dẫn Sử Dụng Hệ Thống Quản Lý Danh Mục Thuộc Bảo Vệ Thực Vật của Hàn Quốc

Tài liệu hướng dẫn địa phương ở Việt Nam  
Ngày 11 tháng 12 năm 2018

**kotra**

Korea Trade-Investment  
Promotion Agency



Ministry of Economy  
and Finance

 CHONNAM NATIONAL UNIVERSITY



**BỘ CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

MINISTRY OF INDUSTRY AND TRADE OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

# MỤC LỤC

<b>1. PLS là gì?</b> .....	<b>4</b>
<b>2. Bối cảnh đưa vào sử dụng PLS</b> .....	<b>6</b>
<b>3. GAP và PLS</b> .....	<b>8</b>
▶ So sánh giữa GAP Toàn Cầu, GAP Hàn Quốc, GAP Việt Nam và PLS	
<b>4. Tiến độ đưa vào sử dụng PLS</b> .....	<b>11</b>
<b>5. Những thay đổi do việc đưa vào sử dụng PLS</b> .....	<b>14</b>
<b>6. Tăng cường kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu vào Hàn Quốc</b> ....	<b>16</b>
▶ Quy trình kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu	
▶ Loại kiểm nghiệm	
▶ Các mặt hàng thử nghiệm chính xác đầu tiên tại Hàn Quốc (58 loại thuốc trừ sâu)	
▶ Các mục thử nghiệm lấy mẫu ngẫu nhiên tại Hàn Quốc (370 loại thuốc trừ sâu)	
<b>7. Ảnh hưởng của PLS đến nền công nghiệp Việt Nam</b> .....	<b>27</b>
▶ Tình trạng hàng nhập khẩu từ Việt Nam	
▶ Thực phẩm bị từ chối trong số thực phẩm nhập khẩu	
▶ Thông tin chi tiết về thực phẩm bị từ chối trong số thực phẩm nhập khẩu	
▶ Thông tin chi tiết về việc từ chối thực phẩm xuất khẩu từ Việt Nam	
▶ Các trường hợp thực phẩm bị từ chối gần đây	
<b>8. Chuẩn bị cho việc đưa vào sử dụng PLS suôn sẻ</b> .....	<b>31</b>
▶ Các kế hoạch chuẩn bị triển khai PLS ở Hàn Quốc	
▶ MRL theo nhóm cho cây trồng ít phổ biến (năm 2016)	
▶ MRL theo nhóm cho cây trồng ít phổ biến (năm 2017)	
▶ MRL theo nhóm cho cây trồng ít phổ biến (được lên kế hoạch cho năm 2018)	
▶ Các kế hoạch chuẩn bị triển khai PLS (quốc gia xuất khẩu)	
▶ Chú ý khi xuất khẩu cây trồng sang Hàn Quốc	
<b>9. Đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu (IT)</b> .....	<b>40</b>
▶ Hướng dẫn đăng ký từng bước trên trang web	
▶ Kiến Nghị Loại 1 : Yêu Cầu Thiết Lập Hạn Mức Dư Lượng Nhập Khẩu (Xét duyệt dữ liệu về độc tính)	
▶ Kiến Nghị Loại 2 : Yêu Cầu Thiết Lập Hạn Mức Dư Lượng Nhập Khẩu (Xét duyệt dữ liệu về dư lượng)	
▶ Kiến Nghị Loại 3 : Yêu Cầu Sửa Đổi hoặc Miễn Trừ các Yêu Cầu về Hạn Mức Dư Lượng Nhập Khẩu (Xét duyệt dữ liệu về độc tính)	
▶ Kiến Nghị Loại 4 : Yêu Cầu Sửa Đổi hoặc Miễn Trừ Các Yêu Cầu về Hạn Mức Dư Lượng Nhập Khẩu (Xét duyệt dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu)	
▶ Cách thanh toán lệ phí dịch vụ	
<b>10. Câu Hỏi và Trả Lời</b> .....	<b>77</b>



# 01

# PLS là gì?

## 1. PLS là gì?

Hệ Thống Quản Lý Danh Mục Thuốc Bảo Vệ Thực Vật (PLS) là một hệ thống được đưa vào sử dụng nhằm tạo điều kiện cho việc quản lý sự an toàn về thuốc trừ sâu. Theo PLS, quy tắc “Mức đồng nhất” (0,01 mg/kg hoặc ít hơn) được áp dụng cho tất cả các loại thuốc trừ sâu trừ những loại đã quy định Hạn Mức Dư Lượng Tối Đa (MRL) tại Hàn Quốc, nhằm kiểm soát dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm ở mức bằng hoặc dưới mức không có hại kể cả khi con người có ăn thực phẩm đó cả đời.

PLS đã được bắt đầu thực hiện từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 với các loại hạt và trái cây nhiệt đới, và sẽ được triển khai trên tất cả các sản phẩm nông nghiệp từ ngày 1 tháng 1 năm 2019.

Nhật Bản ('06), Châu Âu ('08), Đài Loan ('08) đã có hệ thống PLS. Hoa Kỳ, Úc và Canada vận hành các hệ thống không khoan nhượng khi không có MRL.

# 02

## Bối cảnh đưa vào sử dụng PLS

### 2. Bối cảnh đưa vào sử dụng PLS

Do thực phẩm nhập khẩu tăng cả về số lượng và chủng loại, nên lượng sản phẩm nông nghiệp có chứa dư lượng thuốc trừ sâu chưa được đánh giá về độ an toàn cũng đang tăng rõ rệt. Các hệ thống hiện tại có những hạn chế trong việc đảm bảo an toàn cho thực phẩm nhập khẩu.

PLS đã được đưa vào sử dụng nhằm ngăn chặn việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp có sử dụng thuốc trừ sâu chưa được chứng minh độ an toàn và đảm bảo rằng những sản phẩm nông nghiệp an toàn sẽ được nhập khẩu và phân phối.

PLS đã được triển khai tại nhiều nước khác để có thể nhập khẩu và phân phối các sản phẩm nông nghiệp an toàn.

# 03

## GAP và PLS

### 3. GAP và PLS

GAP là từ viết tắt của Quy Trình Thực Hành Sản Xuất Nông Nghiệp Tốt (Good Agricultural Practices), một chương trình được áp dụng trên toàn thế giới nhằm đảm bảo sự an toàn của các sản phẩm nông nghiệp.

Tiêu chuẩn quản lý GAP của Hàn Quốc là sự quản lý đúng đắn với môi trường nông nghiệp (như đất và nước làm nông nghiệp, v.v.) và các yếu tố có hại (như thuốc trừ sâu còn sót lại, kim loại nặng, chất ô nhiễm hữu cơ còn sót lại, v.v.) ở giai đoạn sản xuất sản phẩm nông nghiệp, quản lý và phân phối sau thu hoạch.

Với GAP, tiêu chuẩn về hạn mức dư lượng thuốc trừ sâu cho các sản phẩm nông nghiệp phải tuân thủ theo tiêu chuẩn được đặt ra cho từng quốc gia về hạn mức dư lượng của các sản phẩm nông nghiệp.

**Tại Hàn Quốc, khi hệ thống PLS được triển khai cho tất cả các sản phẩm nông nghiệp từ ngày 1 tháng 1 năm 2019, thì hệ thống sẽ được quản lý ở mức độ không phát hiện (0,01 mg / kg hoặc ít hơn) các loại thuốc trừ sâu chưa có hạn mức dư lượng quy định.**



### ▷ So sánh GAP Toàn Cầu, GAP Hàn Quốc, GAP Việt Nam và PLS

	GAP Toàn Cầu (EU)	GAP Hàn Quốc	GAP Việt Nam	PLS
Mục đích	Khuyến khích giảm thiểu lượng nhập khẩu thuốc trừ sâu và thuốc, thúc đẩy việc áp dụng hệ thống đảm bảo trang trại	Đảm bảo độ an toàn của các sản phẩm nông nghiệp và gìn giữ môi trường nông nghiệp	Kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trên toàn bộ dây chuyền sản xuất	Ngăn ngừa việc lạm dụng các loại thuốc trừ sâu và cải thiện việc quản lý các loại thuốc trừ sâu chưa được đăng ký trong thực phẩm nhập khẩu
Quốc gia áp dụng	Châu Âu (Đang mở rộng ra toàn thế giới)	Hàn Quốc	Việt Nam	Hàn Quốc
Triển khai	Năm 1997 (Eurep GAP) → năm 2007 (GAP Toàn Cầu)	Năm 2006	Năm 2008	Ngày 1 tháng 1 năm 2019
Đối tượng	Trái cây, rau củ, cà phê, ngũ cốc, gia súc, thủy sản, v.v.	Tất cả các sản phẩm nông nghiệp được sản xuất cho mục đích ăn uống	Trái cây, rau củ, trà, v.v.	Tất cả các sản phẩm nông nghiệp phục vụ cho mục đích ăn uống (bao gồm các sản phẩm nhập khẩu)
Thời gian cấp phép	1 năm	2 năm (nhân sâm: trong 5 năm, cây thuốc: trong 6 năm)	3 năm	
Tiêu chuẩn chứng nhận	26 hạng mục, 233 chi tiết Tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế như Codex và HACCP, v.v.	11 hạng mục, 49 chi tiết (26 bắt buộc, 23 khuyến nghị) Tiêu chuẩn hạn mức dư lượng được nêu cụ thể trong luật pháp liên quan	15 hạng mục trong 3 ngành (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) Các tiêu chuẩn chứng nhận quốc tế như Codex và HACCP, v.v.	Mức độ không phát hiện (0,01 mg / kg hoặc ít hơn) ở những loại thuốc trừ sâu không có hạn mức dư lượng quy định.

# 04

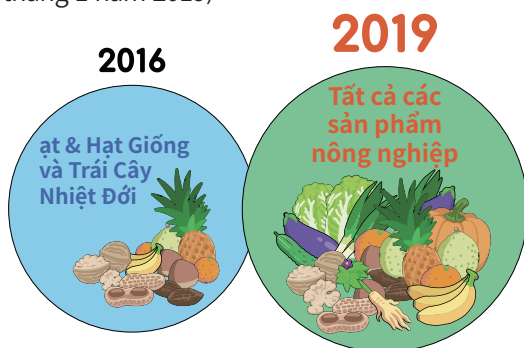
## Tiến độ đưa vào sử dụng PLS

## 4. Tiến độ đưa vào sử dụng PLS

- Thời gian bắt đầu đưa vào sử dụng
  - Giai đoạn đầu: Hạt & Hạt Giống và Trái Cây Nhiệt Đới (Thông báo trước vào tháng 7 năm 2014, Triển khai vào ngày 31 tháng 12 năm 2016)

Loại	Nhóm	Hàng hóa
Hạt & Hạt Giống	Lạc hoặc hạt	Óc chó, Lạc, Hạnh nhân, Hồ đào, Hồ trăn, Hạt dẻ, v.v.
	Hạt có dầu	Hạt vừng, Hạt bông, Hạt hướng dương, Hạt bí ngô, Hạt tía tô, Ô liu, Hạt cải dầu, Hạt cọ, Hạt hoa rum, v.v.
	Hạt làm đồ uống và đồ ngọt	Hạt cà phê, Hạt cacao, Hạt cola, Guarana
Trái cây	Trái cây nhiệt đới	Chuối, Dứa, Kiwi, Bơ, Đu đủ, Chà là, Xoài, Ổi, Dừa, Vải, Chanh dây, Sầu riêng, Mãng cụt, v.v.

- Giai đoạn thứ hai: Cây trồng khác (Thông báo trước vào ngày 7 tháng 8 năm 2017, triển khai vào ngày 1 tháng 1 năm 2019)



- Thiết lập kế hoạch (Đưa vào sử dụng PLS) để quản lý an toàn dư lượng thuốc (tháng 10 năm 2011)
- Sửa đổi Đạo Luật Vệ Sinh Thực Phẩm (tháng 7 năm 2013) và Quy Định Thực Hiện Đạo Luật Vệ Sinh Thực Phẩm (tháng 3 năm 2014)
  - \* Thiết lập cơ sở cho quy trình và phương pháp quy định MRL
- Thực hiện PLS trên các loại hạt & hạt giống và trái cây nhiệt đới (Thông báo vào tháng 10 năm 2015, Triển khai vào tháng 12 năm 2016)
  - \* Thông báo của WTO (G/SPS/N/KOR/480, ngày 29 tháng 7 năm 2014)
- Tổ chức 34 phiên họp hướng dẫn cung cấp thông tin cho chính phủ, đại sứ quán, nhà nhập khẩu, và các công ty thuốc trừ sâu nước ngoài (Kể từ tháng 1 năm 2012 và sẽ còn tiếp tục thực hiện)
  - \* Tại Việt Nam, được tổ chức tại Hà Nội và Hồ Chí Minh (tháng 7 năm 2015)
- Thông báo về việc đưa vào sử dụng PLS ở tất cả các loại cây trồng (Thông báo vào tháng 2 năm 2018, Triển khai vào ngày 1 tháng 1 năm 2019)
  - \* Thông báo WTO (G/SPS/N/KOR/572, ngày 18 tháng 8 năm 2017)
- Cố gắng giải quyết những khó khăn và hỗ trợ thông qua việc tham khảo ý kiến của đại sứ quán và nhà nhập khẩu nước ngoài (Kể từ tháng 12 năm 2016 và sẽ còn tiếp tục thực hiện)
- Thiết lập tiêu chuẩn hạn mức thuốc trừ sâu còn sót lại trong thực phẩm nhập khẩu (đến tháng 12 năm 2021): Tiêu chuẩn mới cho 116 loại thuốc trừ sâu bao gồm Diazinon

# 05

## Những thay đổi do đưa vào sử dụng PLS

### 5. Những thay đổi do đưa vào sử dụng PLS



Được phép

Tôi đã canh tác cây trồng theo tiêu chuẩn GAP.

Tôi đã phun các loại thuốc trừ sâu chưa được đăng ký.



Từ chối

MRL được thiết lập cho thuốc trừ sâu	Hiện tại	Sau khi đưa vào sử dụng PLS
Đã thiết lập	Áp dụng MRL đã được quy định	Tương tự như trước khi thực hiện PLS
Chưa thiết lập	<ol style="list-style-type: none"><li>Áp dụng Codex MRL cho từng cây trồng cụ thể (không bao gồm MRL theo nhóm)</li><li>Áp dụng mức thấp nhất của các MRL được quy định cho các loại cây trồng tương tự</li><li>Áp dụng hạn mức thấp nhất được đặt ra cho loại thuốc trừ sâu liên quan</li></ol>	Áp dụng mức đồng nhất 0,01 mg/kg



# 06

## Tăng cường kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu vào Hàn Quốc

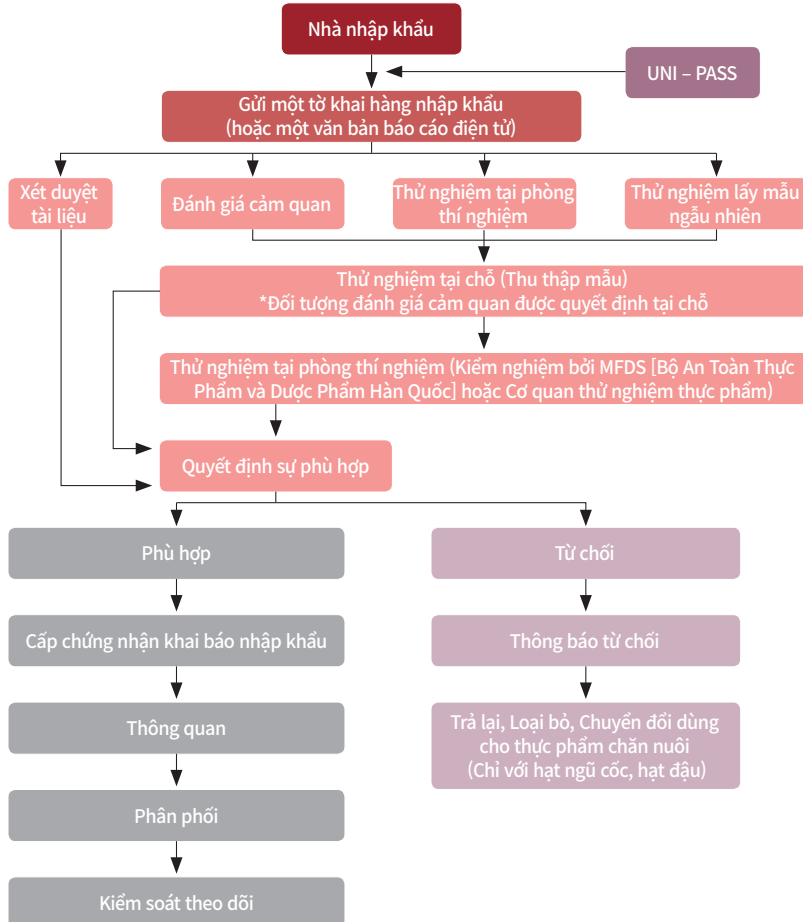
### 6. Tăng cường kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu vào Hàn Quốc

- ▷ Số lượng thuốc trừ sâu được phân tích bằng Phương Pháp Đa Dư Lượng 286 → 370 (từ tháng 1 năm 2017)
  - \* Bao gồm 134 loại thuốc trừ sâu không được quy định về MRL nội địa
- ▷ Phân tích dư lượng riêng theo từng vấn đề nguy hại được đưa ra ở trong và ngoài nước
  - \* Kiểm nghiệm 10-12 loại mỗi quý theo các vấn đề nguy hại
- ▷ Thực hiện năm lần thử nghiệm trong phòng thí nghiệm trên các cây trồng bị từ chối

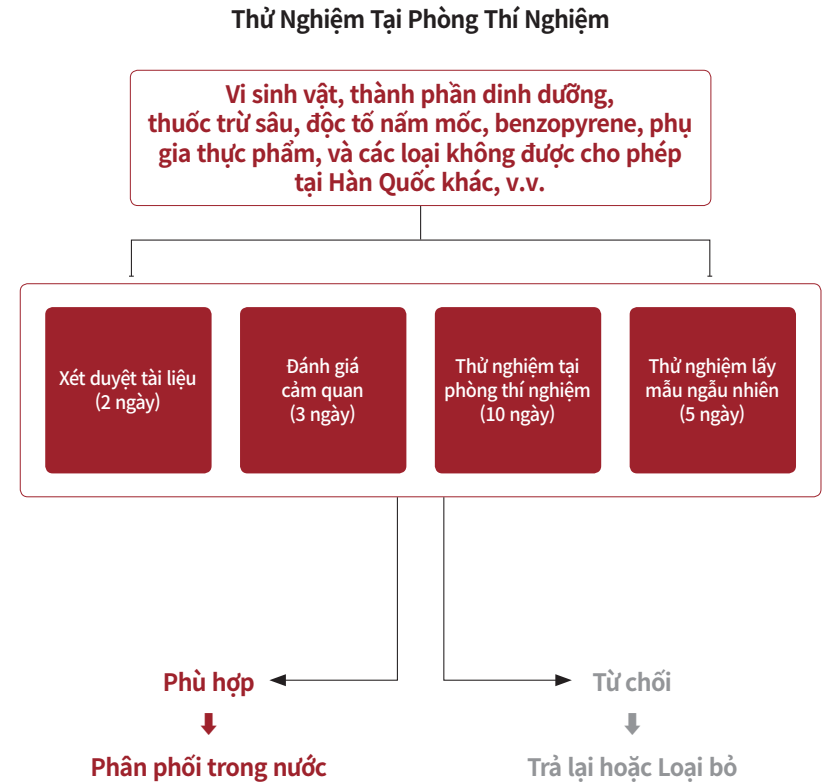


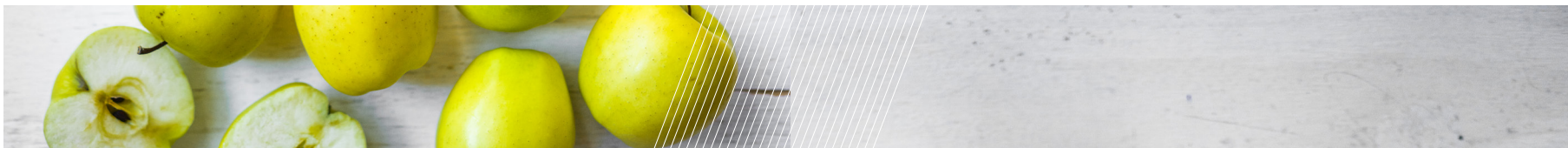


### ▷ Quy trình kiểm nghiệm thực phẩm nhập khẩu



### ▷ Loại kiểm nghiệm



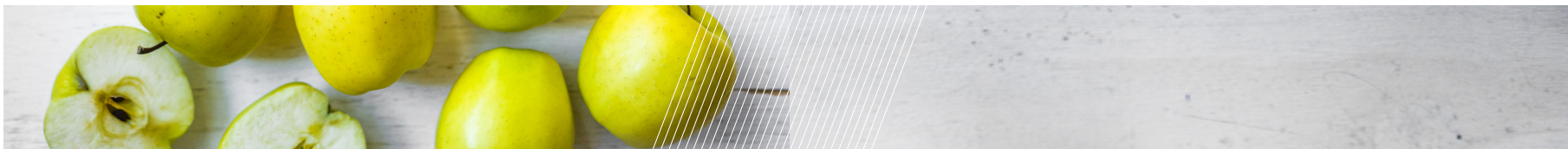


- Các mặt hàng thử nghiệm chính xác đầu tiên tại Hàn Quốc (58 loại thuốc trừ sâu)

Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
1	Acetamiprid	O	21	Dimethoate	O	41	Parathion-Methyl	O
2	Atrazine	X	22	Endosulfan	O	42	Permethrin	O
3	Azoxystrobin	O	23	Ethion	O	43	Phenthoate	O
4	BHC	O	24	Fenarimol	O	44	Phosmet	O
5	Bifenthrin	O	25	Fenhexamid	O	45	Pirimicarb	O
6	Boscalid	O	26	Fenitrothion	O	46	Pirimiphos-methyl	O
7	Captan	O	27	Fenpropathrin	O	47	Prochloraz	O
8	Carbaryl	O	28	Fenvalerate	O	48	Procymidone	O
9	Carbofuran	O	29	Flubendiamide	O	49	Profenofos	O
10	Chlorfenapyr	O	30	Fludioxonil	O	50	Pyraclostrobin	O
11	Chlorothalonil	O	31	Flufenoxuron	O	51	Pyrimethanil	O
12	Chlorpyrifos	O	32	Imazalil	O	52	Quintozene	O
13	Chlorpyrifos-methyl	O	33	Iprodione	O	53	Thiamethoxam	O
14	Cyhalothrin	O	34	Isoprothiolane	O	54	Tolclofos-methyl	O
15	Cypermethrin	O	35	Malathion	O	55	Triadimefon	O
16	Cyprodinil	O	36	Methidathion	O	56	Triazophos	O
17	DDT	O	37	Methomyl	O	57	Triflumizole	O
18	Diazinon	O	38	Methoxyfenozide	O	58	Triflumuron	O
19	Dichlorvos	O	39	Pacllobutrazol	O	59		
20	Dicofol	O	40	Parathion	O	60		

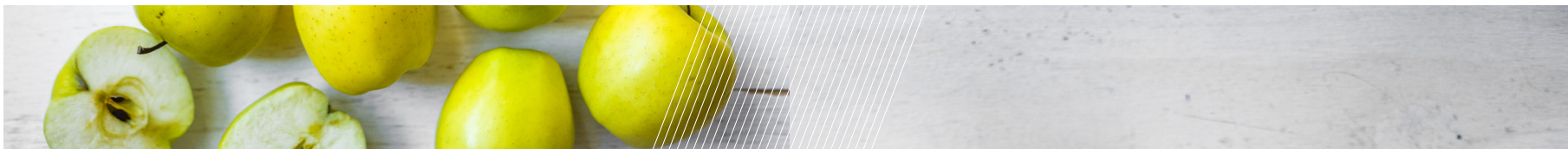
- Các mặt hàng thử nghiệm lấy mẫu ngẫu nhiên tại Hàn Quốc (370 loại thuốc trừ sâu)

Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
1	2,6-Diisopropyl-naphthalene	x	21	Bromobutide	o	41	Chloroneb	x
2	Acrinathrin	o	22	Bromophos-methyl	x	42	Chloropropylate	x
3	Aldrin & dieldrin	o	23	Bromopropylate	o	43	Chlorothalonil	o
4	Allethrin	x	24	Bupirimate	x	44	Chlorpyrifos	o
5	Allidochlor	x	25	Butafenacil	x	45	Chlorpyrifos-methyl	o
6	Ametryn	x	26	Butralin	x	46	Chlorthal-dimethyl	x
7	Anilofos	o	27	Butylate	x	47	Chlorthion	x
8	Aspon	x	28	Cadusafos	o	48	Chlorthiophos	x
9	Atrazine	x	29	Captan	o	49	Chlozolate	x
10	Azaconazole	x	30	Carbophenothion	o	50	Cinmethylin	x
11	Azinphos-ethyl	x	31	Chinomethionate	o	51	Cyanazine	x
12	Azinphos-methyl	o	32	Chlorbufam	x	52	Cyanophos	x
13	Benalaxyl	o	33	Chlordane	o	53	Cycloate	x
14	BHC	o	34	Chlorethoxyfos	x	54	Cyflufenamid	o
15	Lindane(γ-BHC)	o	35	Chlorfenapyr	o	55	Cyfluthrin	o
16	Benodanil	x	36	Chlorfenson	x	56	Cyhalofop-butyl	o
17	Benzoylprop-ethyl	x	37	Chlorfluazuron	o	57	Cyhalothrin	o
18	Bifenox	o	38	Chlorflurenol-methyl	x	58	Cypermethrin	o
19	Bifenthrin	o	39	Chloridazon	x	59	Cyproconazole	o
20	Bromacil	o	40	Chlorobenzilate	o	60	Cyprodinil	o



Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
61	Deltamethrin	o	81	Dioxathion	x	101	Etrimfos	o
62	Desmetryn	x	82	Diphenamid	o	102	Fenamidone	o
63	Diallate	x	83	Diphenylamine	o	103	Fenarimol	o
64	Diazinon	o	84	Dithiopyr	o	104	Fenazaquin	o
65	Dichlofenthion	x	85	DDT	o	105	Fenbuconazole	o
66	Dichlofluanid	o	86	Edifenphos	o	106	Fenchlorphos	x
67	Dichlormid	x	87	Endosulfan	o	107	Fenfuram	x
68	Dichlorvos	o	88	Endrin	o	108	Fenitrothion	o
69	Dicloran	o	89	EPN	o	109	Fenobucarb	o
70	Dicofol	o	90	Epoxiconazole	o	110	Fenothiocarb	o
71	Diethyl-ethyl	x	91	EPTC	x	111	Fenoxanil	o
72	Diethofencarb	o	92	Esprocarb	o	112	Fenoxycarb	o
73	Diflufenican	x	93	Etaconazole	x	113	Fenpropathrin	o
74	Dimepiperate	o	94	Ethalfuralin	o	114	Fenson	x
75	Dimethachlor	x	95	Etofenprox	o	115	Fenthion	o
76	Dimethenamid	o	96	Ethion	o	116	Fenvalerate	o
77	Dimethoate	o	97	Ethofumesate	x	117	Fipronil	o
78	Dimethylvinphos	o	98	Ethoprophos	o	118	Flamprop-isopropyl	x
79	Diniconazole	o	99	Etoxazole	o	119	Flonicamid	o
80	Dinitramine	x	100	Etridiazole	o	120	Fluchloralin	x

Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
121	Fludioxonil	o	141	Heptenophos	x	161	Mefenacet	o
122	Flufenpyr-ethyl	x	142	Hexachlorbenzene	x	162	Mefenpyr-diethyl	x
123	Flumetralin	x	143	Hexaconazole	o	163	Mepronil	o
124	Flumiclorac-pentyl	x	144	Imazalil	o	164	Metconazole	o
125	Flumioxazine	o	145	Indanofan	o	165	Methidathion	o
126	Fluopyram	o	146	Indoxacarb	o	166	Methoprotryne	x
127	Fluorodifen	x	147	lprobenfos	o	167	Methoxychlor	o
128	Flurochloridone	x	148	lprodione	o	168	Quintozene	o
129	Flurtamone	x	149	lprovalicarb	o	169	Methyl trithion	x
130	Flusilazole	o	150	Isazofos	o	170	Metolachlor	o
131	Fluthiacet-methyl	x	151	Isofenphos	o	171	Metrafenone	o
132	Flutolanil	o	152	Isofenphos-methyl	x	172	Metribuzin	o
133	Flutriafol	x	153	Isopropalin	x	173	MGK-264	x
134	Fluvalinate	o	154	Isoprothiolane	o	174	Molinate	o
135	Folpet	o	155	Isoxathion	x	175	Myclobutanil	o
136	Fonofos	x	156	Kresoxim-methyl	o	176	Napropamide	o
137	Fosthiazate	o	157	Lactofen	x	177	Nitrapyrin	o
138	Fthalide	o	158	Leptophos	x	178	Nitrothal-isopropyl	x
139	Halfenprox	o	159	Malathion	o	179	Nonachlor	x
140	Heptachlor	o	160	Mecarbam	o	180	Nuarimol	o

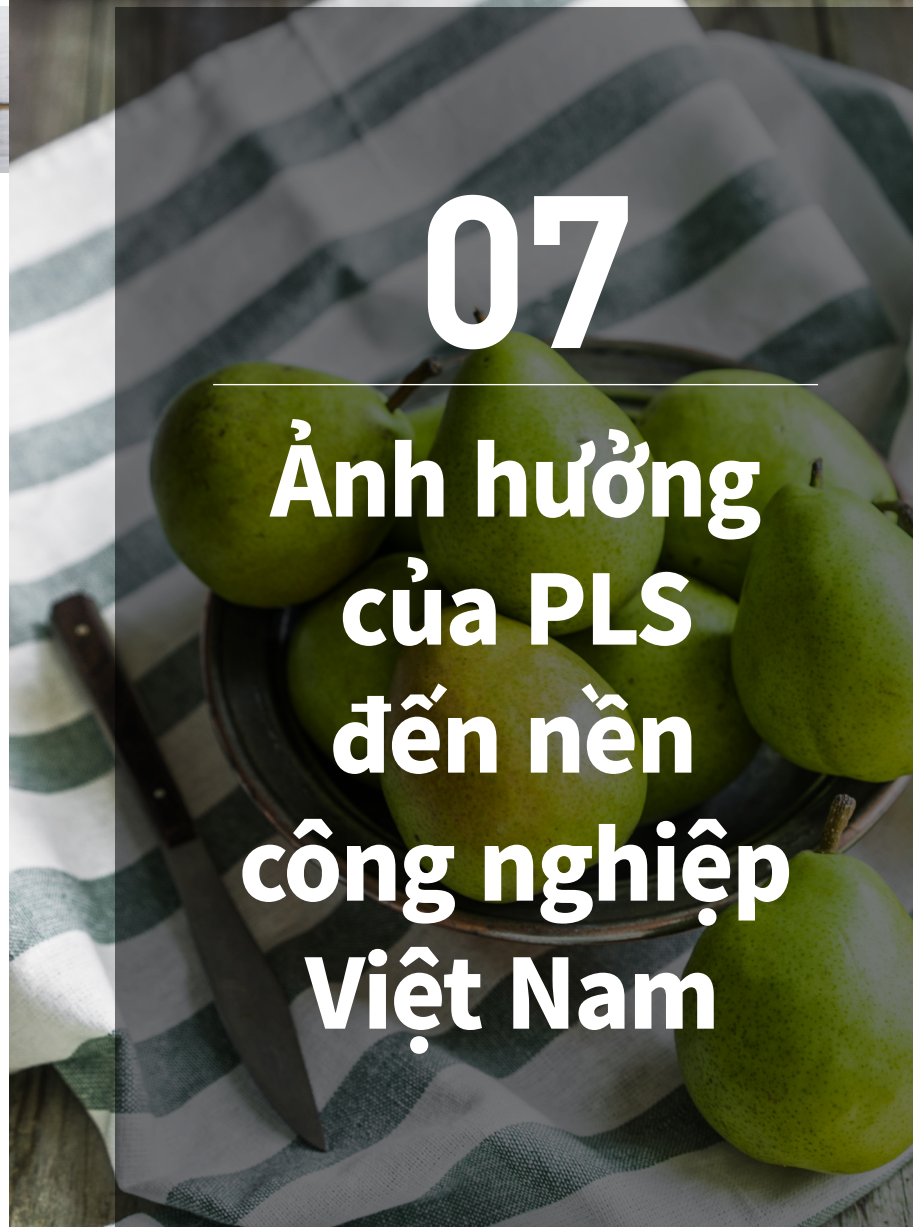


Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
181	Ofurace	o	201	Probenazole	x	221	Pyriminobac-methyl	o
182	Oxadixyl	o	202	Prochloraz	o	222	Quinalphos	o
183	Paclbutrazol	o	203	Procymidone	o	223	Quinoxifen	x
184	Parathion	o	204	Profenofos	o	224	Secbumeton	x
185	Parathion-methyl	o	205	Profluralin	x	225	Simeconazole	o
186	Pebulate	x	206	Prometon	x	226	Spiroxamine	o
187	Penconazole	o	207	Pronamide	x	227	Sulfotep	x
188	Pendimethalin	o	208	Propachlor	o	228	Sulprofos	x
189	Permethrin	o	209	Propazine	x	229	TCMTB	x
190	Phenthoate	o	210	Propetamphos	x	230	Tebuconazole	o
191	Pentoxazone	o	211	Propham	x	231	Tebufenpyrad	o
192	Phosalone	o	212	Propisochlor	o	232	Tebupirimfos	o
193	Phosmet	o	213	Prothiofos	o	233	Tefluthrin	o
194	Phosphamidone	o	214	Pyracarbolid	x	234	Terbacil	x
195	Picolinafen	x	215	Pyraclofos	o	235	Terbufos	o
196	Picoxystrobin	o	216	Pyrazophos	o	236	Terbumeton	x
197	Piperophos	o	217	Pyridaben	o	237	Terbuthylazine	o
198	Pirimicarb	o	218	Pyridalyl	o	238	Tetrachlorvinphos	x
199	Pirimiphos-ethyl	o	219	Pyrifenoxy	x	239	Tetraconazole	o
200	Pirimiphos-methyl	o	220	Pyrimidifen	o	240	Tetradifon	o

Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
241	Tetramethrin	x	261	Aldicarb	o	281	Clothianidin	o
242	Tetrasul	x	262	Amisulbrom	o	282	Cyazofamid	o
243	Thiazopyr	o	263	Asulam	x	283	Cycloprothrin	o
244	Thifluzamide	o	264	Azamethiphos	x	284	Cymoxanil	o
245	Thiometon	o	265	Azoxystrobin	o	285	Diclotophos	x
246	Tolclofos-methyl	o	266	Bendiocarb	o	286	Dimethomorph	o
247	Tolfenpyrad	o	267	Bensulide	x	287	Ethaboxam	o
248	Tolyfluanid	o	268	Benzoximate	o	288	Ethametsulfuron-methyl	x
249	Triadimefon	o	269	Bixafen	x	289	Ethiofencarb	o
250	Triadimenol	o	270	Boscalid	o	290	Fenhexamid	o
251	Triazophos	o	271	Butocarboxim	x	291	Fenpyroximate	o
252	Tribufos	x	272	Carbaryl	o	292	Ferimzone	o
253	Triflumizole	o	273	Carbetamide	x	293	Fluacrypyrim	o
254	Triflururon	o	274	Carbofuran	o	294	Fluazinam	o
255	Trifluralin	o	275	Chlorantraniliprole	o	295	Flubendiamide	o
256	Uniconazole	x	276	Chlorimuron-ethyl	x	296	Flufenacet	o
257	Vernolate	x	277	Chlorobenzuron	x	297	Flufenoxuron	o
258	Vinclozolin	o	278	Chlorotoluron	x	298	Fluometuron	x
259	Zoxamide	o	279	Chromafenozide	o	299	Fluquinconazole	o
260	Acetamiprid	o	280	Cinosulfuron	o	300	Fluridone	x



Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL	Số TT	Tên thuốc trừ sâu	Mức MRL
301	Flusulfamide	o	325	Metominostrobin	x	349	Quinoclamine	o
302	Forchlorfenuron	o	326	Metosulam	x	350	Rimsulfuron	x
303	Hexaflumuron	o	327	Nitenpyram	x	351	Spirodiclofen	o
304	Imazamox	x	328	Novaluron	o	352	Sulfentrazone	x
305	Imazapic	o	329	Oxamyl	o	353	Tebufenozide	o
306	Imazaquin	x	330	Oxaziclomefon	o	354	Tebuthiuron	x
307	Imazethapyr	o	331	Phenmedipham	x	355	Teflubenzuron	o
308	Imibenconazole	o	332	Pinoxaden	x	356	Tepaloxymidim	x
309	Ipconazole	o	333	Promecarb	x	357	Thenylchlor	o
310	Isoprocarb	o	334	Propaquizafop	o	358	Thiacloprid	o
311	Isoproturon	x	335	Propoxur	o	359	Thiamethoxam	o
312	Isoxaben	x	336	Propyrisulfuron	o	360	Tiadinil	o
313	Lenacil	x	337	Prosulfocarb	x	361	Tralkoxydim	x
314	Lufenuron	o	338	Prothioconazole	x	362	Triasulfuron	x
315	Malaoxon	x	339	Pyraclonil	o	363	Tribenuron-methyl	x
316	Mepanipyrim	o	340	Pyraclostrobin	o	364	Tricyclazole	o
317	Mesosulfuron-methyl	x	341	Pyraflufen-ethyl	o	365	Tridemorph	x
318	Metamifop	o	342	Pyrazolate	o	366	Trifloxystrobin	o
319	Metamitron	x	343	Pyribenzoxim	o	367	Trifloxysulfuron	x
320	Methabenzthiazuron	o	344	Pyributicarb	o	368	Trimethacarb	x
321	Methiocarb	o	345	Pyridate	x	369	Triticonazole	x
322	Methomyl	o	346	Pyrimethanil	o	370	XMC	x
323	Methoxyfenozide	o	347	Pyriproxyfen	o			
324	Metolcarb	o	348	Pyroquilon	x			



# 07

**Ảnh hưởng  
của PLS  
đến nền  
công nghiệp  
Việt Nam**

## 7. Ảnh hưởng của PLS đến nền công nghiệp Việt Nam

### ▷ Tình trạng hàng nhập khẩu từ Việt Nam

Từ năm 2016-2017

STT	Hàng hóa	Số lượng nhập khẩu	Khối lượng (tấn)	STT	Hàng hóa	Số lượng nhập khẩu	Khối lượng (tấn)
1	Hạt cà phê	810	54,557	11	Hạt điều	132	2,152
2	Cà rốt	324	10,387	12	Cài bắp	124	1,907
3	Chuối	307	5,696	13	Chay dây/đông lạnh	123	1,626
4	Ốt đỏ/đông lạnh	277	17,102	14	Hạt cà phê (tươi)	120	1,463
5	Thanh long	274	1,484	15	Mía	106	340
6	Xoài	246	864	16	Chôm chôm /đông lạnh	79	1,392
7	Hồ tiêu/đen	235	6,374	17	Khoai lang chiên	69	131,844
8	Quế	213	2,278	18	Dừa	68	664
9	Ốt/đông lạnh	212	8,391	19	Tiêu	66	860
10	Cọ	150	2,232	20	Bí ngô/đông lạnh	64	893

### ▷ Thực phẩm bị từ chối trong số thực phẩm nhập khẩu

2015-2017

STT	Tên cây trồng	Tổng số	STT	Tên cây trồng	Tổng số
1	Mãng cầu gai	47	11	Cúc Vạn Thọ	6
2	Chùm ngây	31	12	Xoài	6
3	Chuối	28	13	Mộc nhĩ đen	4
4	Thìa là Ai Cập (Hạt)	25	14	Cỏ ngọt (lá)	4
5	Bạch đậu khấu	21	15	Bạc hà (lá)	4
6	Húng quế (lá)	12	16	Ới (lá)	3
7	Chanh Thái	9	17	Kinh giới	3
8	Mùi Tầu	9	18	Bạc hà	3
9	Dứa	8	19	Hành Trung Quốc	3
10	Boraye	7	20	Ngài cứu	3

### ▷ Thông tin chi tiết về thực phẩm bị từ chối trong số thực phẩm nhập khẩu

Quốc Gia Xuất Khẩu	Tổng số lượng bị từ chối	Tên cây trồng
Ấn Độ	74	Chùm ngây(28), Thìa là Ai Cập(19), Bạch đậu khấu(15), Boraye(7), Hạt hồng hoa(2), Rau mùi(1), Nghệ(1), Đậu gà(1)
Việt Nam	59	Mãng cầu gai(43), Húng quế(3), Hồ tiêu(2), Ớt ngọt(1), Củ cải(lá)(1), Bạc hà(1), Cần nước(1), Chuối(1), Cải bắp(1), Bắp cải Ssam(1), Mùi Tầu(1),
Trung Quốc	36	Thìa là Ai Cập(5), Mộc nhĩ(4), Bạc hà(4), Hành Trung Quốc(3), Cỏ ngọt(3), Xuyên khung(3), kỷ tử đỏ(2), Chùm ngây(2), Ớt ngọt(1), Cam Mandarin(vỏ)(1), Tỏi xanh(1), Tiêu Tứ Xuyên(1), Ngài cứu(1), Cải bắp(1), Nấm linh chi(1), Nhân sâm(1), Thúy cúc khô(1)
Thái Lan	33	Chanh Thái(11), Mùi Tầu(8), Húng quế(5), Rau rút(3), Mùi tây(2), Sầu riêng(1), Cúc vạn thọ(1), Măng cụt(1), Rau má(1)
Philippines	32	Chuối(23), Dứa(6), Mãng cầu gai(3)
Indonesia	9	Ới(3), Chuối(3), Dâm bụt(2), Dứa(1)
Ai Cập	8	Cúc vạn thọ (5), Kinh giới ngọt(3)
Đài Loan	6	Xoài(6)
Bangladesh	6	Bạch đậu khấu(6)
Israel	6	Húng quế(4), Boraye(1), Rau chân vịt(1)

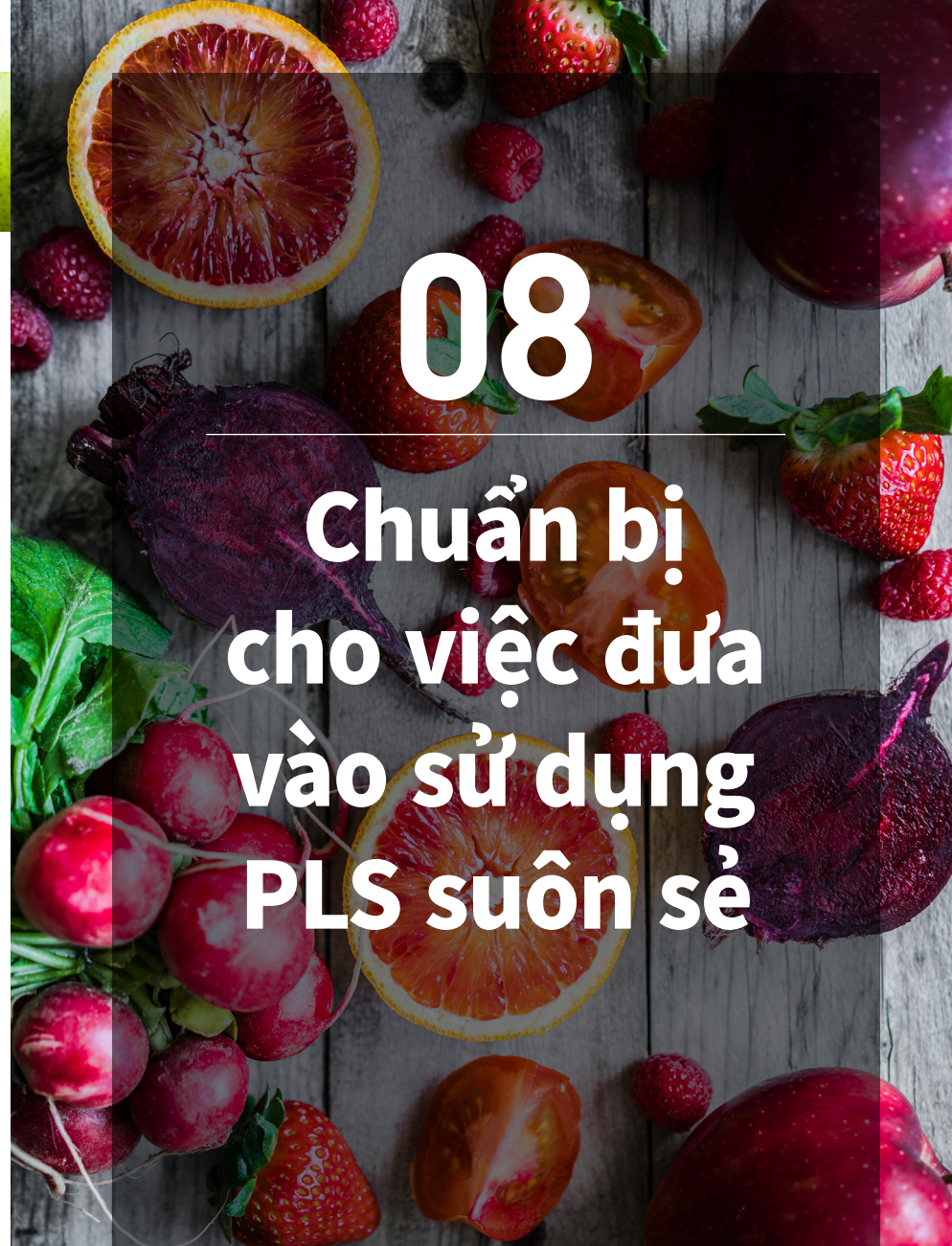


## ► Thông tin chi tiết về việc từ chối thực phẩm xuất khẩu từ Việt Nam

Tên cây trồng	Loại thuốc trừ sâu (Số trường hợp bị từ chối)
Mãng cầu xiêm	Chlorpyrifos(17), Cypermethrin(17), Permethrin(3), Acetamiprid(2), Azoxystrobin(1), Cyhalothrin(1), Fenpropathrin(1), Isoprothiolane(1),
Húng quế	Chlorthalonil(1), Chlorpyrifos(1), Permethrin(1)
Ngải cứu (đông lạnh)	Chlorpyrifos(3)
Hồ tiêu	Chlorpyrifos(2)
Bạc hà (Tươi)	Chlorfenapyr(1)
Ớt (đông lạnh)	Pyraclostrobin(1)
Củ cải(lá)	Cypermethrin(1)
Cần nước	Chlorpyrifos(1)
Chuối	Prochloraz(1)
Cải bắp	Methoxyfenozide(1)
Mùi Tầu	Cyhalothrin(1)
Cải bắp Ssam	Chlorpyrifos(1)

## ► Các trường hợp thực phẩm bị từ chối gần đây

- Chlorpyrifos-methyl được sử dụng để xử lý sau thu hoạch đã được phát hiện ở ngô Argentina. (ngày 12 tháng 1 năm 2018)  
\* Lượng phát hiện được: 0,3~0,8 mg/kg (MRL: 0,1 mg/kg)
- 2,6-DIPN chưa được đăng ký ở Hàn Quốc được phát hiện trong khoai tây Hoa Kỳ. (ngày 17 tháng 1 năm 2018)  
\* Lượng phát hiện được: 0,014~0,25 mg/kg (MRL: Chưa phát hiện)
- Piperonyl butoxide chưa được đăng ký tại Hàn Quốc được phát hiện ở Ốc chó Hoa Kỳ. (ngày 29 tháng 3 năm 2018)  
\* Lượng phát hiện được: 0,03mg/kg (MRL: 0,01 mg/kg)



# 08

## Chuẩn bị cho việc đưa vào sử dụng PLS sớm



## 8. Chuẩn bị cho việc đưa vào sử dụng PLS suôn sẻ

### ► Các kế hoạch chuẩn bị triển khai PLS ở Hàn Quốc

- Đăng ký sử dụng → Nhanh chóng quy định MRL và tăng số lượng MRL
- Nhanh chóng thiết lập các MRL cho các thuốc trừ sâu mới và được chính phủ đăng ký
- Tăng số lượng MRL theo nhóm cho các Rau lá và Rau thân
- \* 39 loại thuốc trừ sâu đã được thiết lập (đến tháng 12 năm 2017), 30 loại thuốc trừ sâu sẽ được thiết lập thêm (năm 2018)
- Gia tăng số lượng MRL nhóm (áp dụng tương tự cho thực phẩm nhập khẩu)

Hiện tại	Kế hoạch sửa đổi
Hạt, Trái cây nhiệt đới, Đậu, Trái cây họ cam quýt, Rau lá, Rau thân	Ngũ cốc, Khoai tây, Đậu, Hạt, Hạt có dầu, Hạt ăn kèm đồ giải khát và đồ ngọt, Trái cây họ táo, Trái cây họ cam quýt, Quả hạch, Quả mọng và các loại trái cây nhỏ khác, Trái cây nhiệt đới, Cây họ cải, Rau lá, Rau thân, Rau củ, Rau quả, cây bầu bí, Rau quả không phải cây bầu bí, Nấm, Thảo mộc và Gia vị

- Công tác truyền thông được thực hiện
  - Điều hành hội đồng liên bộ phận (11 cơ sở, 6 lần một năm)
  - Đào tạo (Đào tạo với chuyên gia → Rèn luyện kỹ năng cho nông dân) và quan hệ công chúng (Làm báo cáo, quảng cáo bằng bảng điện tử)
  - Phần hỏi đáp tùy theo yêu cầu được thực hiện và phân phối

- PLS không áp dụng cho các cây trồng được dùng làm thuốc [MRL thuốc trừ sâu của Cây trồng được dùng làm thuốc tuân theo MRL của thuốc (110 chủng loại)]

STT	Hàng hóa	STT	Hàng hóa	STT	Hàng hóa	STT	Hàng hóa
1	Hạt Euryale	21	Rễ Angelica Gigas	41	Poría Sclertum Cum Pini Radix	61	Houttuyniae Herba
2	Lô Căn	22	Quả Đại Hồi	42	Torreyae Semen	62	Vỏ Kalopanax
3	Cam Thảo	23	Rễ Cát Cánh	43	Lá Tỳ Bà	63	Cirsii Herba
4	Mị Hầu Đào	24	Rễ Aralia Continentalis	44	Mori Fructus	64	Hạt Sen
5	Cây Khổ Sâm	25	Benincasae Semen	45	Mori Ramulus	65	Lá Sen
6	Visci Ramulus et Folium	26	Vỏ Đỗ Trọng	46	Vỏ Rễ Dâu Tằm	66	Vỏ Rễ Ngũ Gia Bì
7	Thân Rễ Lương Khương	27	Thân Rễ Imperata	47	Cnidi Fructus	67	Râu Ngô
8	Ligustici Tenuissimi Rhizoma et Radix	28	Rễ Đẳng Sâm	48	Quả Sa Nhân	68	Vỏ Cây Du
9	Vỏ Rễ Lycium	29	Củ Liriope	49	Artemisiae Capillaris Herba	69	Long Nhãn
10	Chrysanthemi Zawadskii Herba	30	Adenophorae Remotiflori Radix	50	Nghệ Tây	70	Rễ Viễn Chí
11	Chrysanthemi Indici Flos	31	Một Dược	51	Hạt Táo Tàu	71	Quế Chi
12	Vỏ Cam Quýt	32	Hạt Raphanus	52	Quả Táo Gai	72	Vỏ Quế
13	Lnulae Flos	33	Taraxaci Herba	53	Quả Giác Mộc	73	Đậu Khấu
14	Quả Hoa Hồng	34	Cỏ Menta	54	Cannabis Semen	74	Lá Bạch Quả
15	Lá và Thân Kim Ngân	35	Agastachis Herba	55	Bạch Truật	75	Cỏ Leonurus
16	Hoa Kim Ngân	36	Batryticatus Bombyx	56	Rehmanniae Radix Recens	76	Bạch Đậu Khấu
17	Bông Cỏ Tưa	37	Thymi Herba	57	Acori Graminei Rhizoma	77	Rễ Hoa Mẫu Đơn
18	Cervi Cornu	38	Cynanchi Wilfordi Radix	58	Rễ Ngũ Tắt	78	Adenophorae Radix



19	Cervi Parvum Cornu	39	Lilii Bulbus	59	Rễ Địa Hoàng Đã Xử Lý	79	Notoginseng Radix Et Rhizoma
20	Rễ Đan Sâm	40	Poria	60	Lô Hội	80	Đinh Hương
81	Bambusae Sulcus	89	Thân Rễ Atractylodes	97	Rễ Sắn Dây	104	Mai Khôi Hoa
82	Rễ và Thân Rễ Nữ Lang	90	Thân Rễ Giàn Sàng	98	Trầm Hương	105	Gai Schizonopeta
83	Aurantii Fructus Immaturus	91	Thân Rễ Gastrodia	99	Cỏ Lycopus	106	Trigonellae Semen
84	Rễ Batschia	92	Củ Măng Tây	100	Cuscutae Semen	107	Rễ Scutellaria
85	Rễ Địa Hoàng	93	Vỏ Cam Nhặt Non	101	Piperis Longi Fructus	108	Rễ Astragalus
86	Rosae Multiflorae Fructus	94	Lá Trắc Bách	102	Rễ Hà Thủ Ô Đỏ	109	Tiểu Hồi
87	Perillae Fructus	95	Quả Dành Dành	103	Phlomidis Radix	110	Sophorae Fructus
88	Lá Tía Tô	96	Cây Sắn Dây				

A) Áp dụng các MRL được quy định cho từng mặt hàng dược phẩm.

B) Khi phát hiện thấy thuốc trừ sâu, nếu chưa thiết lập các MRL, thì sẽ đánh giá sự phù hợp như sau.

- ① Thực hiện đánh giá sự phù hợp theo mục “Dư lượng thuốc trừ sâu” trong Dược Điển Châu Âu.
- ② Nếu phát hiện thuốc trừ sâu chưa thiết lập MRL trong Dược Điển Châu Âu, thì Bộ trưởng MFDS (Bộ An Toàn Thực Phẩm và Dược Phẩm Hàn Quốc) phải thực hiện đánh giá rủi ro với công thức sau và thực hiện đánh giá tính phù hợp.

**ADI x M**  
**MDD x 100**

- \* ADI : Lượng hấp thụ hàng ngày chấp nhận được (mg/kg/ngày)
- \* M : Khối lượng cơ thể theo kg(60 kg)
- \* MDD : Liều lượng thảo dược Hàng Ngày theo kg.

### ▷ MRL theo nhóm cho cây trồng ít phổ biến (năm 2016)

STT	Tên thuốc trừ sâu	MRL (mg/kg)	STT	Tên thuốc trừ sâu	MRL (mg/kg)
1	Diflubenzuron	Rau thân (3,0)	2	Metalaxyl	Rau lá (5,0), Rau thân (0,2)
3	Biteranol	Rau thân (10)	4	Bifenthrin	Rau lá (2,0), Rau thân (0,07)
5	Cyhaltrin	Rau lá (2,0), Rau thân (0,3)	6	Fenarimol	Rau lá (2,0), Rau thân (1,0)
7	Chlorfenapyr	Rau lá (5,0), Rau thân (3,0)	8	Flufenoxuron	Rau thân (2,0)
9	Dimethomorph	Rau lá (30), Rau thân (7,0)	10	Diethofencarb	Rau lá (30), Rau thân (15)
11	Acetamiprid	Rau lá (5,0), Rau thân (1,0)	12	Azoxystrobin	Rau lá (20), Rau thân (3,0)
13	Kresoxim-methyl	Rau lá (25), Rau thân (2,0)	14	Chlorfluzaron	Rau lá (5,0), Rau thân (2,0)
15	Fludioxonil	Rau lá (15), Rau thân (5,0)	16	Lufenuron	Rau lá (5,0), Rau thân (3,0)
17	Acrinathrin	Rau lá (5,0), Rau thân (1,0)	18	Flutolanil	Rau lá (15), Rau thân (10)
19	Boscalid	Rau thân (30)	20	Cyazofamid	Rau lá (10), Rau thân (2,0)
21	Clothianidin	Rau thân (1,0)	22	Ethaboxam	Rau lá (15), Rau thân (7,0)
23	Pyridalyl	Rau lá (15), Rau thân (7,0)			



▷ MRL theo nhóm cho cây trồng ít phổ biến (năm 2017)

STT	Tên thuốc trừ sâu	MRL (mg/kg)
1	Myclobutanil	Rau lá 2,0, Rau thân 0,2
2	Imidacloprid	Rau lá 3,0, Rau thân 2,0
3	Paclobutrazol	Rau lá 2,0
4	Propamocarb	Rau lá 25, Rau thân 25
5	Hexaconazole	Rau lá 0,7, Rau thân 0,2
6	Tebufenozide	Rau lá 10, Rau thân 7,0
7	Fosthiazate	Rau lá 0,5, Rau thân 1,0
8	Abamectin	Rau lá 0,2, Rau thân 0,07
9	Emamectin benzoate	Rau lá 0,05, Rau thân 0,1
10	Pyrimethanil	Rau lá 10, Rau thân 5,0
11	Fenhexamid	Rau lá 30, Rau thân 10
12	Pyraclostrobin	Rau lá 15, Rau thân 3,0
13	Novaluron	Rau thân 5,0
14	Methoxyfenozide	Rau lá 7,0, Rau thân 2,0
15	Metconazole	Rau lá 3,0, Rau thân 1,0
16	Metrafenon	Rau thân 5,0

▷ MRL theo nhóm cho cây trồng ít phổ biến  
(Đã lên kế hoạch cho năm 2018)

STT	Tên thuốc trừ sâu	MRL (mg/kg)
1	Chlorantraniliprole	Rau lá 5,0, Rau thân 7,0
2	Cyflufenamid	Rau lá 2,0, Rau thân 0,5
3	Cypermethrin	Rau lá 5,0, Rau thân 0,3
4	Cyprodinil	Rau lá 15, Rau thân 15
5	Deltamethrin	Rau lá 1,0, Rau thân 0,3
6	Etofenprox	Rau lá 15, Rau thân 7,0
7	Fenamidone	Rau lá 5,0, Rau thân 5,0
8	Fenvalerate	Rau lá 5,0, Rau thân 2,0
9	Fonicamid	Rau lá 5,0, Rau thân 7,0
10	Penthiopyrad	Rau lá 15
11	Thiamethoxam	Rau lá 5,0, Rau thân 0,5
12	Thifluzamide	Rau lá 5,0, Rau thân 2,0
13	Trifloxystrobin	Rau lá 20, Rau thân 10
14	Triflumizole	Rau lá 5,0, Rau thân 3,0

\* Các thuốc trừ sâu đang xét duyệt trong năm 2018 (15 loại)

- Amisulbrom, Fenazaquin, Cyflaniliprole, Fluazinam, Flubendiamide, Mandipropamid, Metaflumizone, Mandestrobin, Picoxystrobin, Spinetoram, Spirodiclofen, Tebuconazole, Tebufenpyrad, Teflubenzuron, Sulfoxaflor



### ▷ Các kế hoạch chuẩn bị triển khai PLS (Quốc gia xuất khẩu)

- Hạn mức dư lượng nhập khẩu(IT)
- Công ty thực phẩm, đại sứ quán, và các hiệp hội đã đăng ký MRL thuốc trừ sâu được sử dụng hợp pháp ở các quốc gia xuất khẩu
- \* Hoàn thành việc thông báo cho 660 trường hợp. (từ tháng 1 năm 2012 đến tháng 5 năm 2018)
- Đơn giản hóa quy trình đăng ký
- Trong trường hợp thuốc trừ sâu generic (đã hết hạn bảo hộ bản quyền)
  - ① Có thể thay thế dữ liệu cần thiết để áp dụng IT bằng dữ liệu thiết lập MRL theo codex và châu Âu (tháng 4 năm 2016)
  - ② Trong trường hợp thuốc trừ sâu có thiết lập MRL trong Codex, thì không cần thiết phải gửi bản tóm tắt bằng tiếng Hàn trong một khoảng thời gian giới hạn (đến 31 tháng 12 năm 2018) (tháng 2 năm 2018)
- Tư vấn theo yêu cầu cho các công ty thực phẩm
- Tạo thuận tiện bằng cách chỉ định người liên hệ cho từng công ty
- Một phiên họp hướng dẫn đã được tổ chức tại quốc gia xuất khẩu
- Trung Quốc (Tháng 5), Hoa Kỳ (Tháng 5), Việt Nam (Tháng 6)

### ▷ Chú ý khi xuất khẩu cây trồng sang Hàn Quốc

- Kiểm tra xem MRL của thuốc trừ sâu mà quý vị muốn sử dụng đã được quy định ở Hàn Quốc chưa ([www.foodsafetykorea.kr/foodcode](http://www.foodsafetykorea.kr/foodcode))
- MRL đã được quy định → Khả dụng (Xin lưu ý rằng có nguy cơ vượt mức MRL khi xịt thuốc trừ sâu ngay tại thời điểm thu hoạch.)
- Chưa quy định MRL → Vui lòng không sử dụng
- Nếu quý vị cần sử dụng thuốc trừ sâu không có MRL ở Hàn Quốc → Vui lòng đăng ký Hạn mức dư lượng nhập khẩu

# 09

## Đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu (IT)

### 9. Đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu (IT)

- Đối tượng : Thuốc trừ sâu được cho phép sử dụng hợp pháp ở Việt Nam hay các quốc gia xuất khẩu
  - Tài liệu bắt buộc
    - Thuốc trừ sâu mới : Dữ liệu về độc tính và dư lượng thuốc trừ sâu trên cây trồng
    - Bổ sung MRL : Dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu trên cây trồng
  - Phương pháp thử nghiệm tại chỗ bắt buộc : Tương tự phương pháp mà Codex yêu cầu
  - Cách đăng ký
    - Đăng ký qua công ty thuốc trừ sâu ở Hàn Quốc hoặc cố vấn (Được khuyến nghị)
    - Đăng ký trực tiếp với MFDS (inukioo@korea.kr)
- \* Có phí dịch vụ đăng ký



## Bước 1. Truy cập trang chủ của Cơ Quan An Toàn Thực Phẩm Hàn Quốc (Food Safety Korea)

([www.foodsafetykorea.go.kr](http://www.foodsafetykorea.go.kr)) và nhấp vào [Dịch Vụ Dân Sự Tích Hợp] (\*Cần đăng nhập.)



**Bước 2.** Nhấp [Dịch Vụ Dân Sự Trực Tuyến] trên Cửa Sổ Dịch Vụ Dân Sự Tích Hợp  
**1** Nhấp “Dịch Vụ Dân Sự Điện Tử” **2** Nhấp “Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự Điện Tử” 3

**Bước 3.** Nhấp ‘Tìm Kiểm’ sau khi nhập ‘Thuốc Trừ Sâu’ vào Mục Kiến Nghị Dân Sự trong ‘Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự Điện Tử’.

**Bước 4.** Chọn một trong những kiến nghị dân sự liên quan tới loại thuốc trừ sâu cần đăng ký.

Total: 8 Articles

민원 ▼    농약    검색    107개씩 ▼    보기

번호	민원사무명	신청구분	유형	신청방법
1	국내식품 중 농약 및 동물용의약품의 잔류허용기준 설정 신청	개인회원	신청	신청

- ① Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)**
- ② Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dư lượng)**
- 4 수입식품 중 농약 및 동물용의약품의 잔류허용기준 설정 요청(잔류자료검토)    개인회원    신청
- ③ Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)**
- ④ Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu)**
- 7 수입식품 중 농약 및 동물용의약품의 잔류허용기준 변경 또는 설정면제 요청(농약잔류자료검토)    개인회원    신청
- 8 수입식품 중 농약 및 동물용의약품의 잔류허용기준 변경 또는 설정면제 요청(동물용의약품잔류자료 검토)    개인회원    신청

**Điểm kiểm tra!! [Loại kiến nghị]**

- ① Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)  
**Phí dịch vụ: ₩ 30.000.000 (Thời gian xử lý: 12 tháng)**
- ② Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dư lượng)  
**Phí dịch vụ: ₩ 5.000.000 (Thời gian xử lý: 12 tháng)**
- ③ Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)  
**Phí dịch vụ: ₩ 10.000.000 (Thời gian xử lý: 7 tháng)**
- ④ Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu dư lượng thuốc trừ sâu)  
**Phí dịch vụ: ₩ 5.000.000 (Thời gian xử lý: 7 tháng)**





## Kiến Nghị Loại 1: Yêu Cầu Thiết Lập Hạn Mức Dự Lượng Nhập Khẩu (Xét duyệt dự liệu về độc tính)

**Bước 5.** Sau khi chọn 'Yêu cầu thiết lập hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)'

- Thực hiện yêu cầu sau khi chọn mục 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại'
- Nhập [OK]

### Danh Sách Yêu Cầu Dịch Vụ Dân sự Điện Tử

Yêu cầu thiết lập hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)

민원사유내역	농약 및 동물용의약품의 독성, 잔류성 등의 안전성 자료를 제출하여 식량작업에 잔류농약기준 설정을 요청하는 민원사유입니다.
소관부처	식품의약품안전처
민원분양	신청
사무구분	
접수처리	
수수료	30,000,000 원
구비서류	농약 또는 동물용 의약품의 독성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부 국세청통관허위범죄의 잔류농약기준에 관한 자료와 잔류농약기준의 설정에 관한 자료 수출국의 잔류농약기준에 관한 자료와 잔류농약기준의 설정에 관한 자료 수출국의 농약 또는 동물용 의약품의 표본품 농약 또는 동물용 의약품의 식용 잔류에 관한 자료와 그 요약서 각 2부
관련법제도	식품위생법 시행규칙 제110조
담당부서	(Ban tiêu chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại, Cơ Quan Lập Kế Hoạch Tiêu Chuẩn Thực Phẩm, Cục Chính Sách Lương Thực, Bộ An Toàn Lương Thực và Dược Phẩm)

목록

49

Bạn có gửi Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự  
Trực Tuyến có quan đã chọn không?

Hủy

OK

3 Nhập [OK]

1 Chọn 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại'

2 Sau đó, nhập [Yêu cầu]

신청

Yêu cầu

식품안전정보시스템기준기타관유해물질기준관리

## Bước 6- 1. Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

- Các kết quả sẽ được thông báo qua điện thoại di động hoặc e-mail.

### Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

#### ! Tiếp nhận và đăng ký kiến nghị dân sự

개인정보제공 동의 최근 신청내역

담당자성명	<input type="text"/>	담당자휴대전화	<input type="text"/>	담당자E-MAIL	<input type="text"/>	E-mail	<input type="text"/>
SMS동의여부	<input checked="" type="radio"/> 예 <input type="radio"/> 아니요	수수료	<input type="text"/>	수령방법	<input type="text"/>	<input checked="" type="radio"/> 웹 <input type="radio"/> 방문 <input type="radio"/> 우편수령	
신청인메모	<input type="text"/>						

**Điện thoại di động** 30,000,000

**Bản ghi nhớ của người đăng ký**

**Sử dụng tin nhắn SMS :**  
Có hoặc Không

**Lệ phí dịch vụ**

※ Số tiền được dự kiến sẽ thay đổi tự động, tùy theo số lượng yêu cầu.

**Sử dụng tin nhắn SMS :**  
Có hoặc Không

## Bước 6- 2. Nhập dữ liệu cơ bản

+ Thiết lập và quản lý hạn mức dư lượng thuốc trừ sâu và thuốc thú y

기본정보		첨부서류		신청	
국내/수입	<input type="text"/>	수입	<input type="text"/>	농약/동물용의약품	<input type="text"/>
업소명(상호)	<input type="text"/>	대표자	<input type="text"/>	영양허가번호	<input type="text"/>
영업의종류	<input type="text"/>	<input type="checkbox"/> 수기 입력	<input type="text"/>	①	<input type="text"/>
주소	<input type="text"/>	주소	<input type="text"/>	②	<input type="text"/>
전화번호	<input type="text"/>	팩스번호	<input type="text"/>	영양허가번호	<input type="text"/>
기준설정(변경)설정면제 신청(오류) 화합물명	<input type="text"/>	Địa chỉ 1	<input type="text"/>	전자우편	<input type="text"/>
기준 설정(변경)설정면제 신청(오류) 식용명	<input type="text"/>	Hóa Chất	<input type="text"/>	독성자료검토	<input type="text"/>
요청(신청)사유	<input type="text"/>	Hàng Hóa	<input type="text"/>	진류자료검토사유 수	<input type="text"/>
		Địa chỉ 2	<input type="text"/>		

Chọn  
① 'thuốc trừ sâu' hoặc  
② 'thuốc thú y'

Chọn  
① 'thuốc trừ sâu' hoặc  
② 'thuốc thú y'

Nhập số mật hàng thực phẩm  
※ Tùy theo số lượng mật hàng thực phẩm, lệ phí dịch vụ sẽ tự động thay đổi.

### Bước 7. Nhấp [Yêu cầu] sau khi kiểm tra các tài liệu và các tập tin đính kèm

+ 농약 및 동물용의약품의 기준 설정 관리

관리서류
1 **Nhấp “Tài Liệu Đính Kèm”**
3 **Nhấp “Yêu cầu”**
신경
2 **Nhấp “Đính kèm tập tin”**
파일첨부

\*업로드할 구비서류 다운로드 파일명을 더블클릭 하세요.

순번	Tài liệu được yêu cầu	파일명	파일상제
1	농약 또는 동물용 의약품의 독성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부		파일상제
2	농약 또는 동물용 의약품의 식품 잔류에 관한 자료와 그 요약서 각 2부		파일상제
3	국제식품규격위원회(FAO)의 잔류허용기준의 설정... 수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정에 관한 자료		파일상제
4	수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정에 관한 자료		파일상제
5	수출국의 농약 또는 동물용 의약품의 표준품		파일상제

1. Dữ liệu về độc tính trong thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y và bản tóm tắt (2 bản)
2. Dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y trong thực phẩm và bản tóm tắt (2 bản)
3. Dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của Ủy Ban Tiêu Chuẩn Thực Phẩm Codex Quốc Tế (Codex Alimentarius Commission)

4. Dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của nhà xuất khẩu
  5. Tiêu chuẩn về thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y tại các nước xuất khẩu
- ※ Vui lòng chọn tài liệu bắt buộc rời sau đó đính kèm tập tin.  
 ※ Vui lòng nhấp hai lần vào tên tập tin khi tải về các tài liệu đã được tải lên.

Quý vị phải trả lệ phí (₩30,000,000) cho Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự này.  
 (Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính))  
 Cuối cùng thì đơn đăng ký của quý vị cũng sẽ được hoàn tất.

OK

**3 Nhấp [OK]**

Quý vị có muốn hoàn tất?

Hủy OK

**3 Nhấp [OK]**

Vui lòng gửi hai bản sao những dữ liệu khác (qua phương tiện điện tử như CD) cho Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại.  
 Sau đó quý vị có thể di chuyển tới 'thanh toán lệ phí dịch vụ'.



# Kiến Nghị Loại 2: Yêu Cầu Thiết Lập Hạn Mức Dự Lượng Nhập Khẩu(Xét duyệt dự liệu về dư lượng)

**Bước 5.** Sau khi chọn 'Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dư lượng)'  
 - Thực hiện yêu cầu sau khi chọn 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại'  
 - Nhập [OK]

## Danh Sách Yêu Cầu Dịch Vụ Dân sự Điện Tử

Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dư lượng)

민원사유내	농·수산물등의약품의 특성, 잔류농약의 안전성 자료를 제출하여, 식약처에게 잔류농약기준 설정을 요청하는 민원사유입니다.		
소관부처	식물의약품안전처		
민원유형	신청		
사무구분			
접수처리			
수수료	5,000,000 원		
구비서류	농·수산물 등의약품의 특성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부 국·시·도·광역시·특별자치도·자치단체의 잔류농약기준에 관한 자료와 잔류농약기준의 설정에 관한 자료 수출국의 잔류농약기준에 관한 자료와 잔류농약기준의 설정에 관한 자료 수출국의 용적 또는 농도의약품의 표준품 농·수산물 등의약품의 식품 잔류농약 안전성 자료와 그 요약서 각 2부		
관련법제도	식물약품법 시행규칙 제132조		
담당부서	(Ban tiêu chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại, Cơ Quan Lập Kế Hoạch Tiêu Chuẩn Thực Phẩm, Cục Chính Sách Lương Thực, Bộ An Toàn Lương Thực và Dược Phẩm)		

Bạn có gửi Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự Trực Tuyến tới Bộ phận đã chọn không?

Hủy

**3** Nhập [OK]

**1** Chọn 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại'  
**2** Sau đó, nhấp [Yêu cầu]

## Bước 6- 1. Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

- Kết quả sẽ được thông báo qua điện thoại di động hoặc e-mail.

### Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

#### ! Tiếp nhận và đăng ký kiến nghị dân sự

+ Thông tin người đăng ký		<input checked="" type="checkbox"/> 개인정보제공 동의 <span style="float: right;">최근 신청인정보</span>	
담당자성명	Tên	담당자E-MAIL	E-mail
SMS동의여부	<input checked="" type="radio"/> 예 <input type="radio"/> 아니요	수령방법	<input checked="" type="radio"/> 웹 <input type="radio"/> 방문 <input type="radio"/> 우편수령
신청인메모	5,000,000 Điện thoại di động 5,000,000 Bản ghi nhớ của người đăng ký		

**Sử dụng tin nhắn SMS :**  
Có hoặc Không

#### Lệ phí dịch vụ

※ Số tiền được dự kiến sẽ thay đổi tự động, tùy theo số lượng yêu cầu.

#### Cách gửi kết quả

(Qua trang web; trực tiếp đến; gửi thư qua đường bưu điện)

## Bước 6- 2. Nhập dữ liệu cơ bản

+ Thiết lập và quản lý hạn mức dư lượng thuốc trừ sâu và thuốc thú y

기본정보		첨부서류		신청		저장	
국내/수입	수입	설정/변경/설정면제	설정	농약/동물용의약품	--선택하세요--		
업소명(상호)	Tên Công Ty	대표자		명약	--선택하세요--		
영업의종류	--선택하세요--	<input type="checkbox"/> 수기 입력		영업허가번호	1		
주소	Địa chỉ 1	팩스번호		2	동물의약품		
전화번호	Địa chỉ 2			전자우편			
기준설정/변경설정면제 신청(오경) 화합물명	Hóa Chất			독성자료검토	--선택하세요--		
기준 설정/변경설정면제 신청(오경) 식물명	Hàng Hóa			잔류자료검토서품 수	--선택하세요--		
요청(신청)사유							

Chọn

① 'thuốc trừ sâu' hoặc

② 'thuốc thú y'

Nhập tên của hóa chất / hàng  
hóa (thực phẩm) mục tiêu

Nhập 'địa chỉ'

Nhập số mặt hàng thực phẩm

※ Tùy theo số lượng mặt hàng thực phẩm, lệ phí dịch vụ sẽ tự động thay đổi.

## Bước 7. Nhấp [Yêu cầu] sau khi kiểm tra các tài liệu và các tập tin đính kèm

+ 농약 및 동물용의약품의 기준 설정 관리

기본정보

관리서류

① **Nhấp “Tài Liệu Đính Kèm”**

③ **Nhấp “Yêu cầu”**

신경

H 저장

※업로드할 구비서류 다운로드 파일명을 더블클릭 하세요.

순번	Tài liệu được yêu cầu	파일명
1	농약 또는 동물용 의약품의 독성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부	파일삭제
2	농약 또는 동물용 의약품의 식품 잔류에 관한 자료와 그 요약서 각 2부	파일삭제
3	국제식품규격위원회의 잔류허용기준의 설정... 수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정...	파일삭제
4	수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정에 관한 자료	파일삭제
5	수출국의 농약 또는 동물용 의약품의 표준품	파일삭제

1. Dữ liệu về độc tính trong thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y và bản tóm tắt (2 bản)
2. Dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y trong thực phẩm và bản tóm tắt (2 bản)
3. Dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của Ủy Ban Tiêu Chuẩn Thực Phẩm Codex

Quốc Tế (Codex Alimentarius Commission)

4. Dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của nhà xuất khẩu
5. Tiêu chuẩn về thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y tại các nước xuất khẩu

※ Vui lòng chọn tài liệu được yêu cầu rồi sau đó đính kèm tập tin.

※ Vui lòng nhấp hai lần vào tên tập tin khi tài về các tài liệu đã được tải lên.

Quý vị phải trả lệ phí (₩5,000,000) cho Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự này.  
(Yêu cầu thiết lập hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính))  
Cuối cùng thì đơn đăng ký của quý vị cũng sẽ được hoàn tất.

OK

③ **Nhấp [OK]**

Quý vị có muốn hoàn tất?

Hủy

OK

Vui lòng gửi hai bản sao những dữ liệu khác (qua phương tiện điện tử như CD) cho Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại.  
Sau đó quý vị có thể di chuyển tới 'thanh toán lệ phí dịch vụ'.

③ **Nhấp [OK]**

# Kiến Nghị Loại 3 : Yêu Cầu Sửa Đổi hoặc Miễn Trừ các Yêu Cầu về Hạn Mức Dự Lượng Nhập Khẩu(Xét duyệt dữ liệu về độc tính)

**Bước 5.** Sau khi chọn 'Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)'

- Thực hiện yêu cầu sau khi chọn 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại'
- Nhập [OK]

## Danh Sách Yêu Cầu Dịch Vụ Dân sự Điện Tử

Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)

민원사유연내	총액 및 동등용의약품의 독성, 효능성 등의 안전성 자료를 제출하여 식약처장에게 검토해줄기요 반영 또는 면제 요청하는 민원사유입니다.
소관부처	식품의약품안전처
민원유형	신청
사유구분	
접수처리	
수수료	10,000,000 원
구비서류	총액 또는 동등용 의약품의 독성에 관한 자료외 그 요약서 각 2부 총액 및 동등용 의약품의 식품 조성에 관한 자료외 그 요약서 각 2부 국세시정규화장품의 잔류용기원에 관한 자료외 잔류용기원의 설명에 관한 자료 수출국별 잔류용기원에 관한 자료외 잔류용기원의 설명에 관한 자료 수출국의 총액 또는 동등용 의약품의 표준품
관련법제도	식품위생법 시행규칙, 제131조2
담당부서	(Ban tiêu chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại, Cơ Quan Lập Kế Hoạch Tiêu Chuẩn Thực Phẩm, Cục Chính Sách Lương Thực, Bộ An Toàn Lương Thực và Dược Phẩm)

**1** Chọn 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại' — **2** Sau đó, nhấn [Yêu cầu]

Bạn có gửi Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự Trực Tuyến tới Bộ phận đã chọn không?

Hủy

OK

**3** Nhấn [OK]

## Bước 6- 1. Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

- Kết quả sẽ được thông báo qua điện thoại di động hoặc e-mail.

### Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

#### ! Tiếp nhận và đăng ký kiến nghị dân sự

+ Thông tin người đăng ký		☑ 개인정보제공 동의 <b>최근 신청인정보</b>	
담당자성명	<input type="text"/>	담당자E-MAIL	<input type="text"/>
SMS동의여부	<input checked="" type="radio"/> 예 <input type="radio"/> 아니요	수령방법	<input checked="" type="radio"/> 웹 <input type="radio"/> 방문 <input type="radio"/> 우편수령
신청인메모	<input type="text"/>		
	이름	Điện thoại di động	E-mail
	수수료	10,000,000	
	Bản ghi nhớ của người đăng ký		

**Sử dụng tin nhắn SMS :**  
Có hoặc Không

**Lệ phí dịch vụ**

※ Số tiền được dự kiến sẽ thay đổi tự động, tùy theo số lượng yêu cầu.

**Cách gửi kết quả**

(Qua trang web; trực tiếp đến; gửi thư qua đường bưu điện)

## Bước 6- 2. Nhập dữ liệu cơ bản

+ Thiết lập và quản lý hạn mức dư lượng thuốc trừ sâu và thuốc thú y

기본정보		첨부서류	
국내/수입	수입	농약/동물용의약품	농약/동물용의약품
업소명(상호)	대표자	영양력가번호	영양력가번호
영업의종류	수기 입력	전자우편	전자우편
주소	주소	독성자료검토	독성자료검토
전화번호	전화번호	건류자료검토사항	건류자료검토사항
기준농장/변경농장면적	기준농장/변경농장면적	수	수
신청(요청) 화합물명	신청(요청) 화합물명		
기준농장/변경농장면적	기준농장/변경농장면적		
신청(요청) 식물명	신청(요청) 식물명		
오염(신청)사유	오염(신청)사유		
	수입		
	이름		
	주소		
	전화번호		
	기준농장/변경농장면적		
	신청(요청) 화합물명		
	기준농장/변경농장면적		
	신청(요청) 식물명		
	오염(신청)사유		
	수입		
	이름		
	주소		
	전화번호		
	기준농장/변경농장면적		
	신청(요청) 화합물명		
	기준농장/변경농장면적		
	신청(요청) 식물명		
	오염(신청)사유		

입력 정보

입력 정보

입력 정보

입력 정보



## Bước 7. Nhấp [Yêu cầu] sau khi kiểm tra các tài liệu và các tập tin đính kèm

+ 농약 및 동물용의약품의 기준 설정 관리

기본정보		관리서류		① Nhấp “Tài Liệu Đính Kèm”		③ Nhấp “Yêu cầu”		신경		H 저장	
*업로드할 구비서류 다운로드 파일명을 더블클릭 하세요.		Tài liệu được yêu cầu		파일명		파일상제		파일상제		파일상제	
순번											
1	농약 또는 동물용 의약품의 독성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부										
2	농약 또는 동물용 의약품의 식품 잔류에 관한 자료와 그 요약서 각 2부										
3	국제식품규격위원회의 잔류허용기준의 설정...										
4	수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정에 관한 자료										
5	수출국의 농약 또는 동물용 의약품의 표준품										

1. dữ liệu về độc tính trong thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y và bản tóm tắt (2 bản)
2. dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y trong thực phẩm và bản tóm tắt (2 bản)
3. dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của Ủy Ban Tiêu Chuẩn Thực Phẩm Codex

Quốc Tế (Codex Alimentarius Commission)

4. dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của nhà xuất khẩu
5. Tiêu chuẩn về thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y tại các nước xuất khẩu

※ Vui lòng chọn tài liệu được yêu cầu rồi sau đó đính kèm tập tin.

※ Vui lòng nhấp hai lần vào tên tập tin khi tài về các tài liệu đã được tải lên.

Quý vị phải trả lệ phí (₩10,000,000) cho Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự này.  
(Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về độc tính)). Cuối cùng thì đơn đăng ký của quý vị cũng sẽ được hoàn tất.

OK

③ Nhấp [OK]

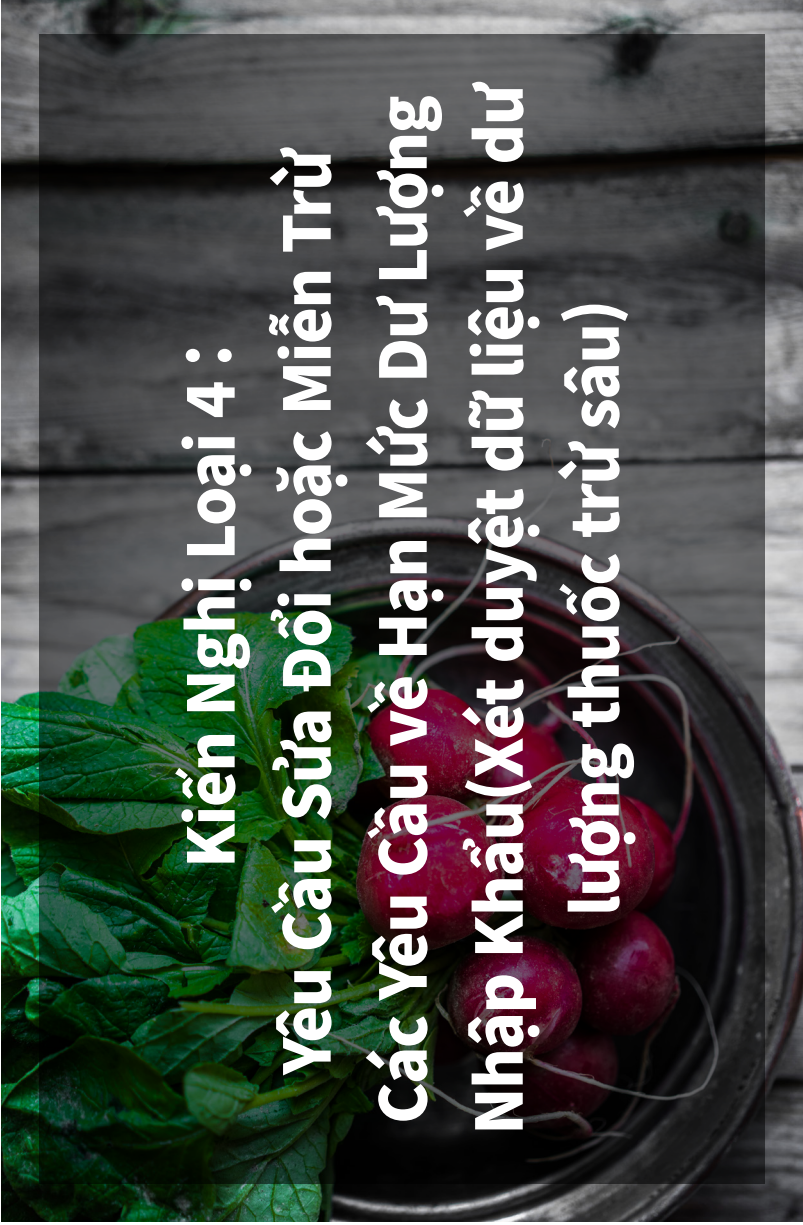
Quý vị có muốn hoàn thành?

Hủy

OK

Vui lòng gửi ( hai bản sao những dữ liệu khác (qua phương tiện điện tử như CD cho Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại. Sau đó quý vị có thể di chuyển tới 'thanh toán lệ phí dịch vụ'.

③ Nhấp [OK]



# Kiến Nghị Loại 4: Yêu Cầu Sửa Đổi hoặc Miễn Trừ Các Yêu Cầu về Hạn Mức Dự Lượng Nhập Khẩu(Xét duyệt dữ liệu về dự lượng thuốc trừ sâu)

**Bước 5.** Sau khi chọn 'Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dự lượng thuốc trừ sâu)'

- Thực hiện yêu cầu sau khi chọn 'Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại'
- Nhấp [OK]

## Danh Sách Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự Điện Tử

Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dự lượng thuốc trừ sâu)

민원사양안내	농약 및 동물용의약품의 독성, 인공성 등의 안전성 자료를 제출하여 식약청에게 검토받으려는 신청사양입니다.	
소관부처	식물의약품안전처	
민원유형	신청	
사무구분		
접수처리		
수수료	5,000,000 원	
구비서류	농약 또는 동물용 의약품의 독성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부 농약 및 동물용 의약품의 식용잔류에 관한 자료와 그 요약서 각 2부 국제식품규격위원회(Codex Alimentarius)의 잔류허용기준의 설정에 관한 자료 수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정에 관한 자료 수출국의 농약 또는 동물용 의약품의 표준품	
관련법제도	식용의약품 시험규칙, 서약, 1202	
58544	(Ban tiêu chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại, Cơ Quan Lập Kế Hoạch Tiêu Chuẩn Thực Phẩm, Cục Chính Sách Lương Thực, Bộ An Toàn Lương Thực và Dược Phẩm)	

Bạn có gửi Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự Trực Tuyến có quan đã chọn không?

Hủy

**3 Nhấp [OK]**



## Bước 6-1. Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

- Kết quả sẽ được thông báo qua điện thoại di động hoặc e-mail.

### Nhập Thông Tin Người Đăng Ký

#### 1. Tiếp nhận và đăng ký kiến nghị dân sự

**+ Thông tin người đăng ký**

<input checked="" type="checkbox"/> 개인정보제공 동의 <input type="checkbox"/> 최근 신청인정보	E-mail <input type="text"/>
담당자성명 <input type="text"/>	담당자E-MAIL <input type="text"/>
SMS동의여부 <input checked="" type="radio"/> 예 <input type="radio"/> 아니요	수령방법 <input type="radio"/> 홈 <input type="radio"/> 방문 <input type="radio"/> 우편수령
신청인주소 <input type="text"/>	Điện thoại di động <input type="text"/> 5.0000.0000
신청인주소 <input type="text"/>	수수료 <input type="text"/>
신청인주소 <input type="text"/>	담당자휴대전화 <input type="text"/>
신청인주소 <input type="text"/>	수수료 <input type="text"/>
신청인주소 <input type="text"/>	수수료 <input type="text"/>

**Bản ghi nhớ của người đăng ký**

**Sử dụng tin nhắn SMS :**  
Có hoặc Không

**Lệ phí dịch vụ**

※ Số tiền được dự kiến sẽ thay đổi tự động, tùy theo số lượng yêu cầu.

**Cách gửi kết quả**

(Qua trang web; trực tiếp đến; gửi thứ qua đường bưu điện)

## Bước 6-2. Nhập dữ liệu cơ bản

**+ Thiết lập và quản lý hạn mức dư lượng thuốc trừ sâu và thuốc thú y**

<b>기본정보</b>	<b>첨부서류</b>	<b>신청</b>	<b>저장</b>
국내/수입 <input type="text"/>	농약/동물용의약품 <input type="text"/>	Chọn ① 'thuốc trừ sâu' hoặc ② 'thuốc thú y'	<input type="text"/>
업소명(상호) <input type="text"/>	영업/동물용의약품 <input type="text"/>	Chọn ① 'sửa đổi' hoặc ② 'miễn trừ'	<input type="text"/>
영업의종류 <input type="text"/>	대표자 <input type="text"/>	① --선택하세요-- --선택하세요-- 변경 면제	<input type="text"/>
주소 <input type="text"/>	주소/면적/생산면적 <input type="text"/>	영업허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
전화번호 <input type="text"/>	수급/면적/생산면적 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
기존/생성/변경/생성면적 신청(요청) 화합물명 <input type="text"/>	대상자 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
기존/생성/변경/생성면적 신청(요청) 시용명 <input type="text"/>	<input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
요청(신청)사유 <input type="text"/>	주소 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
	전화번호 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
	기존/생성/변경/생성면적 신청(요청) 화합물명 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
	기존/생성/변경/생성면적 신청(요청) 시용명 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>
	요청(신청)사유 <input type="text"/>	영합허가번호 <input type="text"/>	<input type="text"/>

입력 tên của hóa chất / hàng hóa (thực phẩm) mục tiêu

입력 'địa chỉ'

입력 số mặt hàng thực phẩm

※ Tùy theo số lượng mặt hàng thực phẩm, lệ phí dịch vụ sẽ tự động thay đổi.

## Bước 7. Nhấp [Yêu cầu] sau khi kiểm tra các tài liệu và các tập tin đính kèm

+ 농약 및 동물용의약품의 기준 설정 관리

기본정보		관리서류		① Nhấp “Tài Liệu Đính Kèm”		③ Nhấp “Yêu cầu”		신경		H 저장	
*업로드할 구비서류 다운로드 파일명을 더블클릭 하세요.		Tài liệu được yêu cầu		파일명		파일상제		파일상제		파일상제	
순번											
1	농약 또는 동물용 의약품의 독성에 관한 자료와 그 요약서 각 2부										
2	농약 또는 동물용 의약품의 식품 잔류에 관한 자료와 그 요약서 각 2부										
3	국제식품규격위원회의 잔류허용기준의 설정...										
4	수출국의 잔류허용기준에 관한 자료와 잔류허용기준의 설정에 관한 자료										
5	수출국의 농약 또는 동물용 의약품의 표준품										

1. Dữ liệu về độc tính trong thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y và bản tóm tắt (2 bản)
2. Dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y trong thực phẩm và bản tóm tắt (2 bản)
3. Dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của Ủy Ban Tiêu Chuẩn Thực Phẩm Codex

Quốc Tế (Codex Alimentarius Commission)

4. Dữ liệu về hạn mức dư lượng và sự thiết lập các hạn mức dư lượng đó của nhà xuất khẩu
5. Tiêu chuẩn về thuốc trừ sâu hoặc thuốc thú y tại các nước xuất khẩu

※ Vui lòng chọn tài liệu được yêu cầu rồi sau đó đính kèm tập tin.

※ Vui lòng nhấp hai lần vào tên tập tin khi tài về các tài liệu đã được tải lên.

Quý vị phải trả lệ phí (₩5,000,000) cho Yêu Cầu Dịch Vụ Dân Sự này.  
(Yêu cầu sửa đổi hoặc miễn trừ các yêu cầu về hạn mức dư lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dư lượng thuốc trừ sâu)). Cuối cùng thì đơn đăng ký của quý vị cũng sẽ được hoàn tất.

OK

③ Nhấp [OK]

Quý vị có muốn hoàn thành?

Hủy

OK

Vui lòng gửi hai bản sao những dữ liệu khác (qua phương tiện điện tử như CD) cho Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dư Lượng và Chất Độc Hại.  
Sau đó quý vị có thể di chuyển tới ‘thanh toán lệ phí dịch vụ’.

③ Nhấp [OK]



## Bước 8. Thanh Toán Lệ Phí Dịch Vụ

Chọn kiến nghị được yêu cầu sau khi nhập [Kiến Nghị Của Tôi] hoặc [Dịch Vụ Dân Sự Điện Tử] sau đó nhập [Thanh Toán Lệ Phí Dịch Vụ].



### 나의 민원

민원접수번호	<input type="text"/>	민원사유명	<input type="text"/>
종류명	<input type="text"/>		
<input type="checkbox"/> 우회 <input type="checkbox"/> 면허 <input type="checkbox"/> 불허 <input type="checkbox"/> 비준허 <input type="checkbox"/> 재발급허 <input type="checkbox"/> 신청 <input type="checkbox"/> 임시허가(비준)			
			검색

번호	민원사유명	접수번호	신청일	종료시 종료일자	진행사항	처리결과
1	Yêu cầu thiết lập hạn mức dự lượng nhập khẩu (xét duyệt dữ liệu về dự lượng) Bộ Phân Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc-Hại, Cơ Quan Lập Kế Hoạch Tiêu Chuẩn Thực Phẩm, Cục Chính Sách An Toàn Thực Phẩm, Bộ An Toàn Thực Phẩm và Dược Phẩm	2017020600	2017-12-06		Đang xử lý	

**2 Thanh toán lệ phí dịch vụ**

# Kiểm tra thông tin chi tiết và nhập [thanh toán lệ phí dịch vụ]

수입식품 중 농약 및 동물용의약품의 잔류허용기준 설정 요청(잔류자료검토)

접수번호: 2017022623

신청하소

## 민원신청 진행현황

신청	접수	담당자배정	검토	처리완료
번호	처리내용	처리일시	부서	담당
1.	신청	2017.07.08	식품의약품안전처 식품안전관리과	담당

## 면허세/수수료 납부정보

Số thanh toán Ngày thanh toán Đơn vị nhận thanh toán Số tiền thanh toán (KRW) Cách thanh toán Phân loại

### 1 Thanh toán lệ phí dịch vụ

민원신청 진행현황

신청

번호

면허세/수수료 납부

Thẻ Tín Dụng, 신용카드, Chuyển Khoản, Kiến Nghị Dân Sự, Người Đăng Ký, Ngày Yêu Cầu, Số Tiền Thanh Toán(KRW)

수입식품 중 농약 및 동물용의약품의 잔류허용기준 설정 신청

20170708 3,107,000 3,108,000

3 Thanh Toán



## Thẻ Tín Dụng

### 결제수단 선택

KG 이니시스

신용카드

신청하소

KG 이니시스

\*KG이니시스에서 제공하는 결제 서비스입니다\*

결제서비스 이용약관에 동의하고 결제를 진행합니다. 결제 동의합니다.

결제정보 제공 및 위탁안내

이용자가 구매하는 재화나 용역의 대금결제 및 결제연월과 중, 단기소득, 등과 관련된 개인정보를 수집 이용합니다.

개인정보 제공 및 위탁안내

이용자의 주문처리시 인증, 장난 취소, 환불 및 거래확인 요청에 대한 등과 관련된 거래내역을 위하여 신용카드사, 은행 등 결제수단명 등 기관과 정보상거래 관련 정보가 연방 개인정보에 제공됩니다.

개인정보 제공 및 위탁안내

이용자의 주문처리시 인증, 장난 취소, 환불 및 거래확인 요청에 대한 등과 관련된 거래내역을 위하여 신용카드사, 은행 등 결제수단명 등 기관과 정보상거래 관련 정보가 연방 개인정보에 제공됩니다.

결제정보 제공 및 위탁안내

이용자가 구매하는 재화나 용역의 대금결제 및 결제연월과 중, 단기소득, 등과 관련된 개인정보를 수집 이용합니다.

개인정보 제공 및 위탁안내

이용자의 주문처리시 인증, 장난 취소, 환불 및 거래확인 요청에 대한 등과 관련된 거래내역을 위하여 신용카드사, 은행 등 결제수단명 등 기관과 정보상거래 관련 정보가 연방 개인정보에 제공됩니다.

3 KB국민 신용카드 kmotion 신규고객 최대 5만원 캐시백!

취소 다음

English

### 결제수단 선택

KG 이니시스

신용카드

신청하소

KG 이니시스

\*KG이니시스에서 제공하는 결제 서비스입니다\*

결제서비스 이용약관에 동의하고 결제를 진행합니다. 결제 동의합니다.

결제정보 제공 및 위탁안내

이용자가 구매하는 재화나 용역의 대금결제 및 결제연월과 중, 단기소득, 등과 관련된 개인정보를 수집 이용합니다.

개인정보 제공 및 위탁안내

이용자의 주문처리시 인증, 장난 취소, 환불 및 거래확인 요청에 대한 등과 관련된 거래내역을 위하여 신용카드사, 은행 등 결제수단명 등 기관과 정보상거래 관련 정보가 연방 개인정보에 제공됩니다.

개인정보 제공 및 위탁안내

이용자의 주문처리시 인증, 장난 취소, 환불 및 거래확인 요청에 대한 등과 관련된 거래내역을 위하여 신용카드사, 은행 등 결제수단명 등 기관과 정보상거래 관련 정보가 연방 개인정보에 제공됩니다.

결제정보 제공 및 위탁안내

이용자가 구매하는 재화나 용역의 대금결제 및 결제연월과 중, 단기소득, 등과 관련된 개인정보를 수집 이용합니다.

개인정보 제공 및 위탁안내

이용자의 주문처리시 인증, 장난 취소, 환불 및 거래확인 요청에 대한 등과 관련된 거래내역을 위하여 신용카드사, 은행 등 결제수단명 등 기관과 정보상거래 관련 정보가 연방 개인정보에 제공됩니다.

3 KB국민 신용카드 kmotion 신규고객 최대 5만원 캐시백!

취소 다음

English



## Nhập thông tin cần thiết và thanh toán lệ phí dịch vụ

Có thể thực hiện thanh toán lệ phí qua chuyển khoản ngân hàng. Trong trường hợp này, vui lòng liên hệ với bộ phận chịu trách nhiệm về các công việc có liên quan.

(Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn về Dự Lượng và Chất Độc Hại, ☎ 043-719-3867, eomjy1979@korea.kr)



# 10

## Câu Hỏi và Trả Lời



## 10. Câu Hỏi và Trả Lời

### 01 **Hỏi)** Những thực phẩm nào là đối tượng áp dụng của Hệ Thống Quản Lý Danh Mục Thuốc Bảo Vệ Thực Vật?

**Đáp)** Mọi nông sản và thực phẩm chế biến được nhập khẩu vào Hàn Quốc hoặc được sản xuất, chế biến, phân phối hay bán ở Hàn Quốc đều là đối tượng áp dụng của PLS. Tuy nhiên, các hàng hóa được sử dụng cho những mục đích không phải để làm thực phẩm, ví dụ như thuốc thô được sử dụng làm thảo dược, thì không nằm trong danh sách áp dụng hệ thống. Khi nhập khẩu phục vụ mục đích làm thức ăn, thì lâm sản và hoa cũng được áp dụng.

### 02 **Hỏi)** MRL được thiết lập như thế nào cho thuốc trừ sâu?

**Đáp)** Đạo Luật Kiểm Soát Thuốc Trừ Sâu quy định rằng thuốc trừ sâu phải được sử dụng theo tiêu chuẩn sử dụng an toàn. MFDS thiết lập MRL ở mức hấp thụ theo chế độ ăn tối đa 80% mỗi người một ngày, trên cơ sở các mức hấp thụ theo chế độ ăn và các kết quả thử nghiệm dư lượng được thực hiện theo tiêu chuẩn sử dụng an toàn, nhằm đảm bảo rằng dư lượng thuốc trừ sâu sẽ không gây rủi ro tới sức khỏe của con người kể cả khi con người tiếp xúc với thuốc trừ sâu thông qua ăn uống suốt đời.

### 03 **Hỏi)** Nếu không có MRL cho thực phẩm chế biến sau khi đưa vào sử dụng PLS, thì làm cách nào để áp dụng MRL cho thực phẩm đó?

**Đáp)** Nếu có MRL được thiết lập cho thực phẩm chế biến, như với nho khô và chất chiết xuất nhân sâm, thì những MRL đó sẽ được áp dụng. Nếu không có, chúng ta sẽ căn cứ vào hàm lượng vật liệu thô và hàm lượng nước. Tuy nhiên, ớt khô phải chịu mức MRL gấp bảy lần mức MRL của ớt và chất chiết xuất trà xanh khô được chỉ định mức MRL gấp sáu lần mức MRL của trà xanh. Nhân sâm khô và hồng sâm chịu mức MRL gấp bốn lần mức MRL của nhân sâm tươi, trong khi chất chiết xuất nhân sâm và chất chiết xuất hồng sâm chịu mức MRL gấp tám lần mức MRL của sâm tươi.

### 04 **Hỏi)** Tôi có thể tìm các MRL cho một loại thuốc trừ sâu ở đâu?

**Đáp)** Quý vị có thể tìm thông tin trên trang web của Cơ Quan An Toàn Thực Phẩm Hàn Quốc (<http://www.foodsafetykorea.go.kr/foodcode>).





**05** **Hỏi)** Có thể đăng ký các loại thuốc trừ sâu mà đã được quy định hạn mức dư lượng tối đa (MRL) không?

**Đáp)** Quý vị có thể đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu nếu quý vị cần tiêu chuẩn cao hơn tiêu chuẩn của Hàn Quốc. Nếu đơn đăng ký MRL ở Hàn Quốc và yêu cầu đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu được nộp cùng lúc, thì chúng tôi sẽ xét duyệt dữ liệu cả ở trong và ngoài nước và thiết lập các tiêu chuẩn.

**06** **Hỏi)** Có thể đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu không nếu các thuốc trừ sâu đang được đăng ký hoặc có kế hoạch được đăng ký trong nước?

**Đáp)** Tiêu chuẩn hạn mức dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm nhập khẩu là tiêu chí chỉ được quy định cho các thuốc trừ sâu được sử dụng hợp pháp ở các quốc gia xuất khẩu. Do đó, quý vị có thể đăng ký hạn mức dư lượng nhập khẩu thuốc trừ sâu nếu thuốc đã được đăng ký trong nước và đã được đặt tiêu chuẩn.

**07** **Hỏi)** Trường hợp nào thì phải gửi dữ liệu về độc tính?

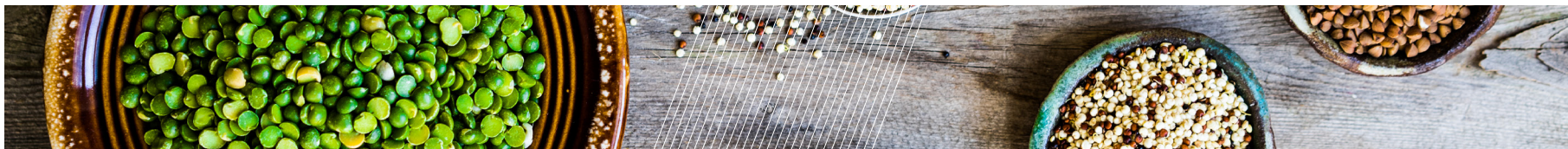
**Đáp)** Thuốc trừ sâu đã được đăng ký và được sử dụng ở Hàn Quốc đồng nghĩa với việc đánh giá độc tính đã được hoàn thành, nên chỉ cần dữ liệu đánh giá dư lượng thôi. Đối với các thuốc trừ sâu mới chưa được đăng ký ở Hàn Quốc, thì bắt buộc phải có cả dữ liệu độc tính và dữ liệu về dư lượng.

**08** **Hỏi)** Tôi cần làm gì để thiết lập một tiêu chuẩn hạn mức dư lượng cho thuốc trừ sâu?

**Đáp)** Bất kỳ ai cần thiết lập tiêu chuẩn dư lượng thuốc trừ sâu đều có thể nộp đơn đăng ký, và gửi dữ liệu về độc tính và dữ liệu về dư lượng cho Bộ Phận Quản Lý Tiêu Chuẩn Chất Độc Hại dưới dạng mẫu đơn đăng ký.

\* Lệ phí đăng ký: Thiết lập tiêu chuẩn ban đầu (30 triệu won đối với dữ liệu về độc tính, 5 triệu won đối với dữ liệu về dư lượng cho mỗi hạng mục thực phẩm), tiêu chí bổ sung (5 triệu won cho mỗi loại thực phẩm)

\* Trang web đăng ký: [www.foodsafetykorea.go.kr/residue](http://www.foodsafetykorea.go.kr/residue) > Pesticide (thuốc trừ sâu) > Establishment of pesticide residue standard in imported food (Thiết lập tiêu chuẩn dư lượng thuốc trừ sâu cho thực phẩm nhập khẩu)



**09** **Hỏi)** Có thể xét duyệt trước sau đó mới đăng ký chính thức các thiết lập về hạn mức dư lượng nhập khẩu không?

**Đáp)** Nếu quý vị gửi thông tin đăng ký thuốc trừ sâu (nhãn hiệu) và một bản tóm tắt bằng tiếng Hàn cho Bộ An Toàn Thực Phẩm và Dược Phẩm Hàn Quốc, thì có thể sẽ tiến hành xét duyệt sơ bộ, và quý vị sẽ được thông báo về việc liệu tài liệu được gửi có phù hợp để nộp đơn đăng ký hay không.

**10** **Hỏi)** Giai đoạn xét duyệt trước mất bao lâu?

**Đáp)** Tùy thuộc vào số lượng tài liệu được gửi đi, có thể mất ít nhất là từ một đến vài tuần.

**11** **Hỏi)** Chúng tôi cần những dữ liệu gì để làm dữ liệu về độc tính?

**Đáp)** Cần các tài liệu như thử nghiệm độc tính cấp tính, thử nghiệm độc tính bán cấp, thử nghiệm độc tính mãn tính, thử nghiệm độc tính trong gen, thử nghiệm độc tính sinh sản, thử nghiệm độc tính gây dị tật, tài liệu về sự trao đổi chất của động vật. Ngoài ra, phải gửi cả các tiêu chuẩn cho thuốc trừ sâu cần thiết để phát triển các phương pháp thử nghiệm.

**12** **Hỏi)** Làm thế nào để người nộp đơn biết kết quả của các thiết lập về hạn mức dư lượng nhập khẩu mà họ đã nộp?

**Đáp)** Kết quả của đơn đăng ký này có thể được thông báo riêng cho từng người nộp đơn thông qua một bức thư chính thức, và kết quả có thể được xác nhận trong thông báo hành chính \*. Nếu có lý do khiến việc thiết lập tiêu chuẩn không thể thực hiện được, hoặc nếu cần thêm thông tin, thì người nộp đơn sẽ được thông báo qua thư.

\* Trang chủ của Trung Tâm An Toàn Thực Phẩm và Dược Phẩm - Các văn bản pháp lý - Thông báo hoặc các thông báo pháp lý / hành chính, pháp lệnh, và các ví dụ khác.



**13** **Hỏi)** Công thức đánh giá sự phơi nhiễm theo chế độ ăn uống là gì?

**Đáp)** Công thức này liên quan đến phương pháp đánh giá rủi ro đối với dư lượng thuốc trừ sâu phơi nhiễm với cơ thể con người do ăn uống. Trong trường hợp thuốc trừ sâu, 80% Lượng Hấp Thụ Tối Đa Hàng Ngày Trên Lý Thuyết (TMDI)\* của công dân Hàn Quốc được tính dựa trên giả định rằng các hóa chất nông nghiệp vẫn còn trong các sản phẩm nông nghiệp, ở nồng độ tối đa cho phép. Có khả năng là dư lượng được tiêu thụ thông qua nước uống, môi trường, v.v. mà không phải qua thực phẩm, thì còn lại là 20%.

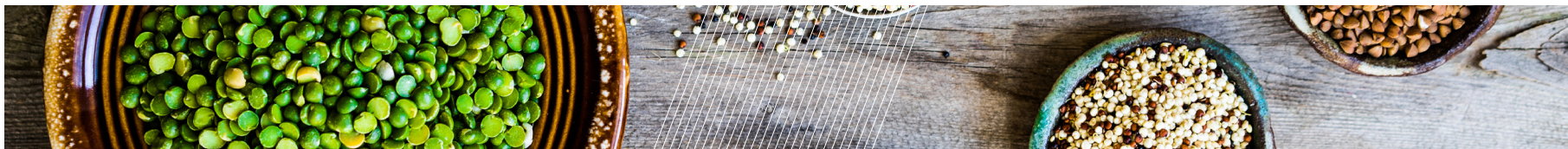
\* TMDI: Lượng thuốc trừ sâu mà dự kiến theo lý thuyết là tiêu thụ nhiều nhất có thể mỗi ngày

**14** **Hỏi)** Các tiêu chí thiết lập 'định nghĩa về dư lượng' là gì?

**Đáp)** Nói chung, có thể bao gồm thuốc trừ sâu hoặc chất chuyển hóa. Chất chuyển hóa được tính đến khi xem xét lượng còn lại và độc tính. "Tiêu Chuẩn và Thông Số Kỹ Thuật của Thực Phẩm" làm rõ định nghĩa về dư lượng cho mỗi loại thuốc trừ sâu.

**15** **Hỏi)** Trong trường hợp nào thì 'định nghĩa về dư lượng' bao gồm các chất chuyển hóa?

**Đáp)** Các chất chuyển hóa thường được đưa vào khi lượng chất chuyển hóa từ hợp chất gốc còn lại là 10% hoặc nhiều hơn, nhưng chất chuyển hóa có thể được đưa vào định nghĩa dư lượng nếu không có độc tính. Ngược lại, nếu độc hại, thì chất này sẽ được đưa vào trong định nghĩa về dư lượng mặc dù dư lượng nhỏ hơn 10%.



**16 Hỏi) Làm thế nào tôi có thể nộp đơn đăng ký thiết lập tiêu chuẩn theo nhóm?**

**Đáp)** Dữ liệu về dư lượng của cây trồng đại diện cần được thiết lập tiêu chuẩn theo nhóm. Nếu quý vị muốn thiết lập tiêu chuẩn theo nhóm, hãy điền vào phần "Vui lòng thiết lập tiêu chuẩn theo nhóm" trong phần ghi chú khi nộp đơn. Đơn đăng ký này áp dụng một mức phí cho mỗi loại cây trồng. Ví dụ, nếu quý vị nộp đơn đăng ký thiết lập tiêu chuẩn theo nhóm với ba cây trồng đại diện, thì quý vị sẽ phải trả một khoản phí tương đương với ba loại cây trồng này.

Ví dụ: Tiêu chí theo nhóm đối với đơn đăng ký thuốc trừ sâu [Trái cây họ cam quýt]

Tài liệu bắt buộc cho sản phẩm Nông Nghiệp	Chi phí
Cam, chanh, bưởi	Tổng 15 triệu won

**17 Hỏi) Nếu có bất kỳ sản phẩm nông nghiệp nào đã được thiết lập làm tiêu chuẩn về hạn mức dư lượng nhập khẩu trong các loại cây trồng đại diện, thì làm thế nào tôi có thể nộp đơn đăng ký thiết lập tiêu chuẩn theo nhóm?**

**Đáp)** Nếu quý vị muốn bổ sung cây trồng đại diện, thì quý vị có thể thiết lập tiêu chuẩn nhóm.

Ví dụ: Nếu quý vị đã có tiêu chuẩn quốc gia cho cam, thì hãy đăng ký nhóm cây trồng họ cam quýt [cam quýt]

Tiêu chuẩn hạn mức dư lượng nhập khẩu hiện hành được thiết lập cho các sản phẩm nông nghiệp	Sản phẩm nông nghiệp bắt buộc	Chi phí
Cam	Chanh, bưởi	Tổng 10 triệu won

